



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

TÀI LIỆU QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

(Tài liệu dành cho cấp xã - Tái bản lần 2)



HÀ NỘI, NĂM 2015



Bộ Nông nghiệp
và Phát triển nông thôn



*Empowered lives.
Resilient nations.*

Chương trình Phát triển
Liên hiệp quốc

TÀI LIỆU QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

(Tài liệu dành cho cấp xã - Tái bản lần 2)

Xây dựng và biên tập bởi: Trung tâm Phòng tránh và Giảm nhẹ thiên tai

Hỗ trợ bởi: Chương trình Phát triển Liên hiệp quốc (UNDP) tại Việt Nam

Hà Nội, năm 2015

LỜI NÓI ĐẦU

Trong bối cảnh thiên tai đang có xu hướng cực đoan hơn bởi tác động của biến đổi khí hậu, công tác phòng, chống thiên tai được Đảng, Nhà nước và nhân dân ta xác định là một trong những nhiệm vụ ưu tiên và xuyên suốt trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh đầu tư kinh phí và sức lực liên tục trong nhiều năm để xây dựng hệ thống các công trình, cơ sở vật chất phòng chống thiên tai, Nhà nước đã quan tâm hoàn thiện thể chế, chiến lược, chính sách, tăng cường năng lực và nhận thức người dân. Chiến lược quốc gia phòng chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 và gần đây Luật phòng, chống thiên tai được ban hành, các đề án, dự án đã và đang được tổ chức thực hiện đã minh chứng cho nỗ lực đó của nhà nước và nhân dân ta.

Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 13/07/2009 với mục tiêu đến năm 2020, 100% cán bộ chính quyền các cấp trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai được đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực và 70% người dân các xã thuộc vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng bởi thiên tai được tăng cường nhận thức, kĩ năng trong giảm nhẹ thiên tai, qua đó người dân chủ động tham gia đánh giá hiểm họa, xác định nguồn lực, xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai với trọng tâm là thực hiện theo phương châm “bốn tại chỗ”.

Theo sự chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Tổng cục Thủy lợi, Trung tâm Phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai (GNTT) đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, các tổ chức Liên hợp quốc, phi chính phủ và các nhà tài trợ triển khai các hoạt động của Đề án. Trong đó, tập trung hoàn thiện cơ chế chính sách, công cụ hỗ trợ và hướng dẫn thực hiện nhằm hỗ trợ chính quyền các cấp, đặc biệt đẩy mạnh các hoạt động đến người dân và chú trọng việc biên soạn các tài liệu hướng dẫn thực hành ở cấp xã.

Cuốn tài liệu *Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng* được xây dựng trên cơ sở kế thừa kinh nghiệm của các cơ quan phòng chống lụt bão các cấp, tiếp thu ý kiến đóng góp của các tổ chức, các nhà quản lý, chuyên gia trong và ngoài nước với mục tiêu hướng dẫn các bước hành động cụ thể cho cán bộ cấp xã, các đơn vị, tổ chức và người dân thực hiện các hoạt động quản lý rủi ro thiên tai tại cấp cộng đồng.

Tài liệu bao gồm 03 phần với các nội dung chính như sau:

1. Tổng quan về tài liệu, tập trung giới thiệu về mục đích, đối tượng và hướng dẫn cách sử dụng tài liệu;
2. Giới thiệu về Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, tập trung giới thiệu các khái niệm, thuật ngữ về thiên tai, rủi ro thiên tai và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng cùng một số vấn đề liên quan khác;
3. Hướng dẫn thực hiện các bước quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng: Hướng dẫn cán bộ cấp xã, thôn cùng người dân tổ chức triển khai thực hiện quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tại địa phương, trong đó nhấn mạnh các bước lập Kế hoạch Phòng, chống thiên tai có sự tham gia của cộng đồng.

Trong suốt quá trình thực hiện, Trung tâm Phòng tránh và Giảm nhẹ thiên tai nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Thứ trưởng - Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi, TS. Hoàng Văn Thắng và các cơ quan liên quan thuộc Tổng cục. Tài liệu được xây dựng với sự hỗ trợ của UNDP, AusAID thông qua *Dự án Nâng cao năng lực thể chế về quản lý rủi ro thiên tai tại Việt Nam, đặc biệt các rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu giai đoạn II (SCDM II)*. Trung tâm Phòng tránh và Giảm nhẹ thiên tai là cơ quan đầu mối tổ chức thực hiện biên soạn và thu thập các ý kiến đóng góp từ các cơ quan, các tổ chức và các chuyên gia trên các vùng miền khác nhau của Việt Nam.

Ban biên tập trân trọng cảm ơn sự đóng góp nhiệt tình của Nhóm điều phối, điều hành và chuyên gia Dự án SCDM II và UNDP bao gồm Th.S Bùi Việt Hiên, Th.S Nguyễn Huỳnh Quang, Th.S Nguyễn Anh Sơn, TS. Đặng Quang Tính, Th.S Lê Quang Trung, Vũ Tuấn Anh, Th.S Jenty Kirsch-Wood, Th.S Stacey Sawchuk, PGS-TS Nguyễn Tùng Phong và các chuyên gia của Trung tâm Đào tạo và Hợp tác quốc tế thuộc Viện Khoa học thủy lợi Việt Nam, Trung tâm Phòng tránh và Giảm nhẹ thiên tai do nguyên Giám đốc Trung tâm, nguyên Giám đốc dự án

SCDM II - Tiến sĩ Nguyễn Hữu Phúc và Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm, Giám đốc dự án SCDM II – Đặng Quang Minh và các cán bộ có liên quan của Trung tâm; Các cơ quan đồng thực hiện dự án gồm Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và tổ chức Oxfam Anh; Các cán bộ là các tập huấn viên cấp quốc gia của Trung ương Hội chữ thập đỏ Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ các tỉnh Quảng Trị, Nghệ An, Cần Thơ,... đã trực tiếp tham gia hoàn thiện tập tài liệu này.

Cuốn tài liệu này nằm trong bộ tài liệu kiến thức về Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng do Tổng cục Thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành gồm:

1. Hướng dẫn tổ chức thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và Giảm nhẹ rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.
2. Tài liệu kỹ thuật Quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.
3. Bộ chỉ số và tài liệu hướng dẫn theo dõi, đánh giá việc thực hiện Đề án.
4. Tài liệu Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (dành cho cấp xã).
5. Tài liệu Hướng dẫn đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (dành cho cấp xã).

Tài liệu này được biên soạn phục vụ triển khai thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng của Chính phủ

Trong lần in thứ nhất vào tháng 4/2014 với số lượng 1.200 cuốn để thí điểm cho các khóa tập huấn cho tập huấn viên cấp tỉnh và tập huấn cho các cán bộ xã ở 51 xã thuộc 20 tỉnh trên toàn quốc, Ban biên tập đã nhận được nhiều ý kiến phản hồi và đóng góp. Trong lần in thứ hai này, Ban biên tập đã cố gắng khắc phục và chỉnh sửa.

Trong quá trình biên soạn không tránh được khiếm khuyết hoặc sai sót. Trung tâm Phòng tránh và GNTT xin tiếp thu và trân trọng cảm ơn sự góp ý của các chuyên gia, các tổ chức và người sử dụng để hoàn thiện tốt hơn.

Mọi ý kiến đóng góp cho tài liệu này xin gửi về địa chỉ sau: Ban biên tập – Trung tâm Phòng tránh và Giảm nhẹ thiên tai, Tầng 3, số 54, ngõ 102, đường Trường Chinh, Quận Đống Đa, Hà Nội. Điện thoại: 04. 37 33 56 86. Fax: 04. 37 33 66 47.

Trân trọng.

MỤC LỤC

MỤC LỤC	I
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	II
PHẦN 1: TỔNG QUAN VỀ TÀI LIỆU	1
1. Cơ sở xây dựng tài liệu Hướng dẫn Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng	1
2. Mục đích sử dụng tài liệu	1
3. Đối tượng sử dụng	1
PHẦN 2: GIỚI THIỆU QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG	2
1. Một số khái niệm và thuật ngữ	2
2. Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng	2
PHẦN 3: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÁC BƯỚC QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG	4
BƯỚC 1: GIỚI THIỆU CHUNG	5
BƯỚC 2: CHUẨN BỊ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN	5
BƯỚC 3: ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG	6
BƯỚC 4: XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI	8
BƯỚC 5: THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI	9
BƯỚC 6: GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ KẾ HOẠCH CÓ SỰ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG	9
PHẦN 4: MẪU HƯỚNG DẪN KẾ HOẠCH PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI (CỤ THỂ HÓA BƯỚC 4)	10
PHỤ LỤC 1: THIÊN TAI VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP CƠ BẢN GIẢM NHẸ THIÊN TAI Ở VIỆT NAM	22
PHỤ LỤC 2: BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	26
PHỤ LỤC 3: MỘT SỐ NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA UBND CẤP XÃ, CÁ NHÂN VÀ HỘ GIA ĐÌNH	28
PHỤ LỤC 4: CÁC VẤN ĐỀ VỀ GIỚI	30
PHỤ LỤC 5: MỘT SỐ NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CỦA NHÓM HỖ TRỢ KỸ THUẬT VÀ NHÓM CỘNG ĐỒNG	34
PHỤ LỤC 6: ĐỀ ÁN NÂNG CAO NHẬN THỨC CỘNG ĐỒNG VÀ QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG	36
TÀI LIỆU THAM KHẢO	41

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

AusAID	Cơ quan Phát triển Quốc tế Australia
BĐKH	Biến đổi khí hậu
CECI	Trung tâm nghiên cứu và hợp tác quốc tế
DBTT	Dễ bị tổn thương
DMC	Trung tâm phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai
Đề án 1002	Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng
GNRRTT	Giảm nhẹ rủi ro thiên tai
MDGs	Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ
NN&PTNT	Nông nghiệp và phát triển nông thôn
RRTT-DVCD	Rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng
SCDM	Dự án Tăng cường năng lực thể chế quản lý rủi ro thiên tai, đặc biệt là các thiên tai liên quan đến biến đổi khí hậu
TCTL	Tổng cục Thủy lợi
TƯBĐKH	Thích ứng biến đổi khí hậu
UBND	Ủy ban nhân dân
UNDP	Chương trình phát triển Liên Hiệp Quốc

PHẦN I: TỔNG QUAN VỀ TÀI LIỆU

1. CƠ SỞ XÂY DỰNG TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

Cuốn tài liệu này được xây dựng trên cơ sở các văn bản pháp lý sau đây:

- Luật phòng, chống thiên tai được Quốc hội thông qua tháng 6/2013, có hiệu lực từ 01/05/2014;
- Quyết định số 172/2007/QĐ-TTg ngày 16/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chiến lược quốc gia về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020;
- Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 13/07/2009 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng;
- Quyết định số 333/QĐ-TTg ngày 18/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt kế hoạch thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” giai đoạn 2013-2015;
- Công văn số 15009/BTC-NSNN ngày 01/11/2013 của Bộ Tài chính về kinh phí thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng”;
- Quyết định số 583/QĐ-TCTL-ĐĐ ngày 13/7/2011 của Tổng cục Thủy lợi về Ban hành tài liệu đào tạo cho tập huấn viên về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng;
- Quyết định số 666/QĐ-TCTL-ĐĐ ngày 22/8/2011 của Tổng cục Thủy lợi về Phê duyệt nội dung tài liệu tham khảo Hướng dẫn tổ chức thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.

Và một số tài liệu liên quan khác.

2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG TÀI LIỆU

Mục đích của tài liệu nhằm hướng dẫn chính quyền cấp xã, thôn/bản/ấp, người dân và các bên có liên quan thực hiện tốt Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng và nâng cao nhận thức cộng đồng.

3. ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG

Tài liệu được biên soạn cho các đối tượng:

- Chính quyền các cấp đặc biệt là cấp xã; thôn/bản/ấp;
- Các Nhóm hỗ trợ kỹ thuật, nhóm cộng đồng;
- Các tổ chức chính trị, xã hội trên địa bàn xã;
- Người dân;
- Các cá nhân và tổ chức liên quan khác.

PHẦN 2: GIỚI THIỆU QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ

Cộng đồng (sử dụng trong tài liệu này) bao gồm những nhóm người dân sống trong cùng một làng xã, thôn/bản/ấp.

Thiên tai là hiện tượng tự nhiên bất thường có thể gây thiệt hại về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và các hoạt động kinh tế - xã hội, bao gồm: bão, áp thấp nhiệt đới, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, rét hại, mưa đá, sương muối, động đất, sóng thần và các loại thiên tai khác.



Thiên tai đang có xu hướng cực đoan hơn bởi tác động của biến đổi khí hậu.

Chi tiết các loại hình thiên tai và một số giải pháp cơ bản về giảm nhẹ thiên tai xem tại Phụ lục 1.

Một số khái niệm và thuật ngữ liên quan về Biến đổi khí hậu xem tại Phụ lục 2.

Rủi ro thiên tai là thiệt hại mà thiên tai có thể gây ra về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và hoạt động kinh tế - xã hội.

Ví dụ: Rủi ro thiên tai do bão gây ra có thể là nhà cửa bị tốc mái hoặc sập đổ; người dân bị thiệt mạng hoặc thương tích; thuyền đánh cá bị phá hỏng; cây trồng bị quật ngã, mùa màng thất thu...

Tình trạng dễ bị tổn thương là những đặc điểm và hoàn cảnh của một cộng đồng, môi trường hoặc tài sản dễ bị ảnh hưởng của các tác động bất lợi từ thiên tai.

Ví dụ: Người dân xây dựng nhà ở những khu vực có nguy cơ xảy ra lũ quét; khu vực có nhiều nhà tạm, nhà cấp 4 trong vùng bão, lũ; ngư dân đánh bắt thủy hải sản thiếu trang thiết bị đảm bảo an toàn.

Năng lực phòng chống thiên tai là tổng hợp các nguồn lực, điểm mạnh, và các điều kiện và đặc tính sẵn có trong cộng đồng, tổ chức và xã hội có thể được sử dụng nhằm đạt được các mục tiêu đề ra.

Ví dụ: Năng lực ứng phó (tổ chức di dời kịp thời, diễn tập, tổ chức thành lập các nhóm ứng phó nhanh, cứu hộ); Hệ thống công trình (nhà kiên cố, hệ thống đê điều); ý thức, kinh nghiệm, kỹ năng của cộng đồng và người dân.

2. QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

a. Khái niệm

Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng là một quá trình trong đó người dân trong cộng đồng chủ động và tham gia tích cực vào việc xác định và phân tích các rủi ro thiên tai, lập kế hoạch, thực hiện, theo dõi và đánh giá các hoạt động nhằm mục đích giảm nhẹ tình trạng dễ bị tổn thương và tăng cường khả năng ứng phó, thích nghi của cộng đồng với tác động của thiên tai, đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

b. Mục đích

Mục đích của Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (Quản lý RRTT-DVCD) là tạo ra sự chuyển biến tích cực từ

một “cộng đồng dễ bị tổn thương” sang một “cộng đồng có năng lực, cùng nhau phòng ngừa, ứng phó và phục hồi” bằng cách phát huy tối đa các nguồn lực sẵn có trong cộng đồng và các nguồn lực khác.

c. Đặc điểm

Một số đặc điểm chính của Quản lý RRTT-DVCD:

- Cộng đồng đóng vai trò trung tâm và chủ động trong quá trình Quản lý RRTT-DVCD;
- Khuyến khích và huy động sự tham gia tích cực, chủ động của các thành phần dân cư trong cộng đồng vào công tác quản lý rủi ro thiên tai, tạo cơ hội bình đẳng cho nam, nữ, các nhóm dễ bị tổn thương tham gia và hưởng lợi từ các hoạt động quản lý rủi ro thiên tai;
- Nâng cao năng lực của cộng đồng và giải quyết một số nguyên nhân chính của tình trạng dễ bị tổn thương;
- Là một quá trình liên tục phát triển, được cập nhật, điều chỉnh và xây dựng trên những bài học kinh nghiệm thực tế của cộng đồng. Đồng thời kết hợp với tiến bộ khoa học kỹ thuật, kết hợp giải pháp công trình và phi công trình; bảo vệ môi trường, hệ sinh thái và thích ứng với biến đổi khí hậu;
- Sự chỉ đạo của chính quyền địa phương, đặc biệt là cấp xã đóng vai trò quan trọng trong Quản lý RRTT-DVCD cùng với sự hỗ trợ của cơ quan cấp trên và các tổ chức xã hội;
- Vận dụng phương châm bốn tại chỗ (chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ, và hậu cần tại chỗ) vào quá trình Quản lý RRTT-DVCD;
- Lồng ghép nội dung phòng, chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu trong quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.
- Một số nội dung liên quan đến trách nhiệm của UBND cấp xã, cá nhân và hộ gia đình trong công tác phòng, chống thiên tai xem tại Phụ lục 3.

d. Một số vấn đề cần quan tâm trong Quản lý RRTT-DVCD

Đối tượng dễ bị tổn thương

Theo Luật phòng, chống thiên tai, đối tượng dễ bị tổn thương bao gồm: trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ đang mang thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi, người khuyết tật, người bị bệnh hiểm nghèo và người nghèo. Với mỗi nhóm đối tượng, cần chú trọng đến nhu cầu, năng lực của từng nhóm để có các giải pháp hỗ trợ kịp thời trong thiên tai, hiệu quả và đảm bảo công bằng xã hội, mang tính nhân văn. Trong đó cần chú trọng đến một số nhóm đối tượng:

- Nhóm người khuyết tật được xem là một trong những nhóm đối tượng dễ bị tổn thương nhất trong thiên tai. Trong các chương trình và hoạt động quản lý rủi ro thiên tai, cần tạo cơ hội cho người khuyết tật cùng nhau tìm hiểu về thiên tai, về tình trạng dễ bị tổn thương và những gì được xem là năng lực của họ trước thiên tai, đồng thời tăng cường việc tiếp cận thông tin nhằm tạo điều kiện cho họ tham gia vào quá trình ra quyết định trong hoạt động lập kế hoạch.
- Ngoài ra cần quan tâm đến các dân tộc thiểu số, vì đặc điểm địa lý, dân sinh kinh tế, xã hội, những đặc thù riêng làm hạn chế khả năng tham gia và hưởng lợi của họ trong phát triển. Người dân tộc cũng chiếm đa số trong số người nghèo trên cả nước.

Vấn đề lồng ghép giới

Vấn đề về giới cần được xem xét và lồng ghép trong suốt quá trình thực hiện Quản lý RRTT-DVCD.

Một số vấn đề về giới xem tại Phụ lục 4.

e. Quy trình quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng

Quy trình Quản lý RRTT-DVCD bao gồm 6 bước sau:

- Bước 1:** Giới thiệu chung
- Bước 2:** Chuẩn bị kế hoạch thực hiện
- Bước 3:** Đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng
- Bước 4:** Xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai
- Bước 5:** Thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai
- Bước 6:** Giám sát và đánh giá kế hoạch có sự tham gia của cộng đồng

Chi tiết hướng dẫn thực hiện các bước xem trong Phần 3.

PHẦN 3: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÁC BƯỚC QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

TÓM TẮT 6 BƯỚC THỰC HIỆN QUẢN LÝ RRTT-DVCD

CỘNG ĐỒNG DỄ BỊ TỔN THƯƠNG
NĂNG LỰC THÍCH ỨNG YẾU

QUẢN LÝ
RỦI RO
THIÊN TAI
DỰA VÀO
CỘNG
ĐỒNG

CỘNG ĐỒNG CÓ KHẢ NĂNG
THÍCH NGHI CAO

BƯỚC 1
GIỚI THIỆU CHUNG



BƯỚC 2
CHUẨN BỊ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN



BƯỚC 3
ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO
CỘNG ĐỒNG



BƯỚC 4
XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÒNG,
CHỐNG THIÊN TAI



BƯỚC 5
THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÒNG,
CHỐNG THIÊN TAI



BƯỚC 6
GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ KẾ HOẠCH CÓ
SỰ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG

BƯỚC 1: GIỚI THIỆU CHUNG

1. MỤC ĐÍCH

- Giới thiệu Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (Sau đây gọi tắt là Đề án 1002) và nội dung thực hiện Quản lý RRTT-DVCD cho các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức kinh tế và người dân để phối hợp nhằm thực hiện tốt Luật phòng, chống thiên tai.
- Định hướng các nội dung thực hiện.

2. CÔNG VIỆC THỰC HIỆN

UBND cấp xã tổ chức cuộc họp định hướng, nội dung bao gồm:

- Giới thiệu Đề án 1002 của Chính phủ (phạm vi chương trình, mục tiêu và nội dung) và tóm tắt nội dung các văn bản như Luật phòng, chống thiên tai; Chiến lược quốc gia về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 và các văn bản liên quan khác;
- Xác định mục tiêu và kết quả cần đạt được;
- Xác định cơ hội hợp tác và phối hợp giữa các bên có liên quan;
- Chính quyền, cộng đồng và các bên liên quan hiểu được tầm quan trọng của Đề án để phối hợp thực hiện tốt các hoạt động Quản lý RRTT-DVCD tại xã, thôn/bản/ấp.

BƯỚC 2: CHUẨN BỊ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

1. MỤC ĐÍCH

- Thành lập Nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp xã và Nhóm cộng đồng, thống nhất cách thức và cơ chế hoạt động của các nhóm.
- Xây dựng kế hoạch huy động nguồn lực (con người, cơ sở vật chất và tài chính).

2. CÔNG VIỆC THỰC HIỆN

- **Thành lập Nhóm Hỗ trợ kỹ thuật cấp xã và Nhóm cộng đồng**

- *Nhóm Hỗ trợ kỹ thuật cấp xã*: Thành lập theo quyết định của UBND cấp xã (khoảng 7-10 người). Nhóm này cần có sự tham gia của các tổ chức như Mặt trận tổ quốc, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, Hội Nông dân, Hội chữ thập đỏ, đại diện giáo viên các trường trong địa bàn xã, đại diện tổ chức tôn giáo và dân tộc thiểu số (đảm bảo tỷ lệ nữ chiếm ít nhất 30%)¹. Trưởng nhóm là Phó chủ tịch UBND cấp xã.

- *Nhóm cộng đồng*: mỗi thôn/bản/ấp có một nhóm cộng đồng (khoảng 7-15 người), bao gồm: trưởng thôn, đại diện chi bộ Đảng, các đoàn thể, các khu dân cư, các chức sắc tôn giáo do người dân giới thiệu và bầu chọn. Trưởng nhóm là trưởng thôn; phối hợp chặt chẽ với Nhóm hỗ trợ kỹ thuật triển khai các hoạt động tại cộng đồng.

Nội dung hoạt động của các nhóm xem Phụ lục 5.

- **Nâng cao năng lực cho các nhóm**

- Nhóm hỗ trợ kỹ thuật và nhóm cộng đồng được trang bị các kiến thức và kỹ năng về quản lý RRTT-DVCD.
- UBND xã tổ chức tập huấn và hỗ trợ cho các nhóm.

¹ “Hướng dẫn tổ chức thực hiện Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng” do Tổng cục Thủy lợi ban hành tại Quyết định số 666/QĐ-TCTL-ĐĐ ngày 22/8/2011.

- **Lập kế hoạch thực hiện Quản lý RRTT-DVCD**

- Nhóm Hỗ trợ kỹ thuật và nhóm cộng đồng lập kế hoạch chi tiết gồm các nội dung: Hoạt động cụ thể, người thực hiện, người chịu trách nhiệm, thời gian thực hiện, nguồn kinh phí và theo dõi, giám sát.
- UBND xã thông qua, chỉ đạo tổ chức thực hiện kế hoạch trên.

3. KẾT QUẢ CẦN ĐẠT ĐƯỢC

- Nhóm Hỗ trợ kỹ thuật cấp xã và nhóm cộng đồng được thành lập;
- Nhóm Hỗ trợ kỹ thuật nắm được quy định và hiểu rõ nhiệm vụ, cơ chế điều phối và phối hợp;
- Nhóm Hỗ trợ kỹ thuật và nhóm cộng đồng nắm vững kiến thức cơ bản và kỹ năng về thực hiện quản lý RRTT-DVCD;
- Bản kế hoạch phân công nhiệm vụ chi tiết được xây dựng (In khổ giấy A0 treo tại UBND xã).

BƯỚC 3: ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

Đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng là quá trình **thu thập, tổng hợp và phân tích** thông tin có sự tham gia của người dân về: các loại hình thiên tai, tình trạng dễ bị tổn thương và năng lực phòng, chống thiên tai tại địa phương nhằm xác định mức độ rủi ro của cộng đồng.



1. MỤC ĐÍCH

- Xác định những thiên tai đã và có nguy cơ xảy ra tại các khu vực trên địa bàn;
- Xác định được các yếu tố dễ bị tổn thương (DBTT) của cộng đồng trước thiên tai;
- Xác định năng lực phòng chống thiên tai của cộng đồng;
- Xác định các rủi ro thiên tai và thứ tự ưu tiên để tìm ra các giải pháp phù hợp trong đó lưu ý tới nhóm đối tượng DBTT;
- Cung cấp thông tin cho việc lập kế hoạch phòng, chống thiên tai và cơ sở lồng ghép vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội địa phương;
- Nâng cao nhận thức và năng lực cho người dân và cán bộ địa phương về phòng, chống thiên tai.

2. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

a. Đánh giá các loại hình thiên tai

- Đánh giá thiên tai là quá trình thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin về các loại thiên tai thường xảy ra tại địa phương trong những năm gần đây (5-10 năm) và thiên tai lịch sử. Nội dung đánh giá bao gồm:
- Xác định loại hình thiên tai và tác động của nó đã xảy ra ở địa phương;
- Phân tích đặc điểm của từng loại thiên tai theo một số tiêu chí: thời gian xảy ra, dấu hiệu báo trước, số lần xuất hiện, mức độ tác động, nguyên nhân gây ra thiên tai và xu hướng tăng/giảm của các loại thiên tai, đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu;
- Nhận định tình hình thiên tai trong thời gian tới.



b. Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương

- Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương là quá trình thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin về các nhóm dân cư, cơ sở hạ tầng, hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội nào đang ở trong điều kiện không an toàn, dễ bị thiệt hại do từng loại thiên tai gây ra.
- Tiến hành phân tích những nguyên nhân cơ bản, nguyên nhân sâu xa dẫn đến tình trạng dễ bị tổn thương.
- Các thông tin thu thập cần tách biệt số liệu nam, nữ và các đối tượng dễ bị tổn thương nhất.

c. Đánh giá năng lực

- Đánh giá năng lực là quá trình thu thập, tổng hợp và phân tích các thông tin về các nguồn lực (con người, cơ sở vật chất và tài chính), các kinh nghiệm, kỹ năng sẵn có của mỗi cá nhân, gia đình và cộng đồng có thể thực hiện trước, trong và sau thiên tai nhằm giúp họ phòng ngừa, giảm nhẹ và ứng phó với thiên tai.
- Xác định các nguồn lực này ở đâu, do ai đang quản lý, cách sử dụng và tổ chức huy động như thế nào.

d. Đánh giá mức độ nhận thức về rủi ro thiên tai của người dân

- Đánh giá mức độ nhận thức về rủi ro thiên tai của người dân là quá trình thu thập, tổng hợp và phân tích các thông tin về sự hiểu biết của họ trong công tác phòng, chống thiên tai và những kinh nghiệm ứng phó của họ với thiên tai.

Một số chú ý trong Đánh giá RRTT-DVCD:

- Thông tin cần được thu thập theo 3 lĩnh vực: i) An toàn cộng đồng; ii) Sức khỏe, vệ sinh, môi trường; iii) Sản xuất/kinh doanh.
- Mỗi lĩnh vực trên được đánh giá với 3 khía cạnh: i) Vật chất, ii) Tổ chức/xã hội, iii) Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ, động cơ.

3. CÔNG VIỆC THỰC HIỆN

Chuẩn bị

- Tập huấn cho nhóm Hỗ trợ kỹ thuật và nhóm cộng đồng. Trước khi tiến hành đánh giá, UBND cấp xã tổ chức tập huấn cho 2 nhóm này về mục đích, nội dung đánh giá, kỹ năng thu thập thông tin, các công cụ đánh giá, tổng hợp thông tin, kỹ năng hướng dẫn người dân xác định và phân tích rủi ro, lựa chọn giải pháp, lập kế hoạch phòng, chống thiên tai.
- Chuẩn bị và thống nhất kế hoạch đánh giá: yêu cầu, công cụ, nguồn thông tin, lịch làm việc; phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm.
- Thông báo nội dung và kế hoạch làm việc tới người dân.
- Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện hậu cần để đánh giá.

Thực hiện đánh giá

Nhóm hỗ trợ kỹ thuật tiến hành các hoạt động sau:

- Tổ chức họp từng thôn/bản/ấp (20-30 người) gồm đại diện các tổ chức trong thôn, đại diện người dân (ít nhất 30% là nữ giới) để thu thập thông tin về thiên tai, tình trạng dễ bị tổn thương, năng lực và nhận thức của người dân.
- Khảo sát thực tế, trao đổi tiếp xúc với các hộ gia đình (mỗi thôn ít nhất 10 hộ) để bổ sung thông tin.
- Thu thập thông tin từ các tài liệu có liên quan đến công tác quản lý thiên tai.

Tổng hợp và phân tích kết quả đánh giá

- Tổng hợp thông tin, đối chiếu, phân tích và so sánh nhằm xác định giải pháp, lập kế hoạch phòng chống thiên tai (Nhóm hỗ trợ kỹ thuật, nhóm cộng đồng và người dân cùng thảo luận để xác định được các rủi ro thiên tai và

xếp hạng theo thứ tự ưu tiên; Tìm ra nguyên nhân dẫn đến các rủi ro để đưa ra được các giải pháp phù hợp và lập kế hoạch phòng chống thiên tai cho thôn, xã).

Kiểm chứng của người dân

- Trình bày kết quả đánh giá, bảng tổng hợp đánh giá rủi ro thiên tai và giải pháp phòng, chống thiên tai;
- Mời người dân bổ sung ý kiến và xếp hạng giải pháp.

Xây dựng báo cáo đánh giá

- Nhóm Hỗ trợ kỹ thuật lập Báo cáo đánh giá của xã dựa trên các thông tin, kế hoạch của các thôn/bản/ấp.

UBND xã sử dụng báo cáo này làm cơ sở xây dựng Kế hoạch phòng, chống thiên tai và lồng ghép vào Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của xã.

Nội dung về Đánh giá RRTT-DVCD được hướng dẫn chi tiết tại Tài liệu hướng dẫn Đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (dành cho cấp xã).

BƯỚC 4: XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

1. MỤC ĐÍCH

- Mỗi xã tự xây dựng được kế hoạch phòng, chống thiên tai có sự tham gia của cộng đồng;
- Lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của xã.



2. NỘI DUNG KẾ HOẠCH PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

Bản kế hoạch cần đảm bảo các nội dung chính theo quy định của Luật phòng, chống thiên tai, cụ thể như sau²:

- Đánh giá và cập nhật hằng năm về đặc điểm dân sinh, kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng trong phạm vi quản lý;
- Xác định nội dung và biện pháp phòng, chống thiên tai phù hợp với từng loại thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai thường xảy ra tại địa phương, chú ý đến đối tượng dễ bị tổn thương, bao gồm: Tổ chức thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng, chống thiên tai; xây dựng phương án ứng phó với các cấp độ rủi ro thiên tai và loại thiên tai cụ thể; tổ chức thường trực, cập nhật thông tin diễn biến thiên tai; xác định khu vực nguy hiểm; chuẩn bị địa điểm sơ tán; tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập kỹ năng phòng, chống thiên tai;
- Chuẩn bị vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm cho hoạt động phòng, chống thiên tai;
- Đề xuất nhu cầu về nguồn lực và xác định tiến độ hằng năm và 05 năm để thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai tại địa phương;
- Xác định trách nhiệm tổ chức thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai.

Kế hoạch phòng, chống thiên tai phải được xây dựng theo phương châm bốn tại chỗ: chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ.

3. CÔNG VIỆC THỰC HIỆN

Chuẩn bị

Căn cứ Báo cáo đánh giá rủi ro thiên tai của nhóm Hỗ trợ kỹ thuật, UBND xã dự thảo kế hoạch phòng, chống thiên tai.

²Theo điều 15 Luật phòng, chống thiên tai

Tổ chức họp lấy ý kiến đóng góp vào dự thảo kế hoạch phòng, chống thiên tai

- UBND xã tổ chức cuộc họp gồm các thành phần liên quan để trình bày Dự thảo và lấy ý kiến đóng góp;
- Nhóm Hỗ trợ kỹ thuật báo cáo kết quả đánh giá của các thôn/bản/ấp;
- Đại diện UBND xã trình bày Dự thảo kế hoạch phòng, chống thiên tai;
- Thảo luận về dự thảo kế hoạch phòng, chống thiên tai cấp xã.

Hoàn thiện và phê duyệt kế hoạch

- UBND xã có trách nhiệm hoàn thiện, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai (Theo quy định của Luật Phòng, chống thiên tai).

Lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương³

Nội dung lồng ghép bao gồm:

- Xác định biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của thiên tai đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội;
- Xác định biện pháp giảm nguy cơ rủi ro thiên tai và giảm tác động xấu đến môi trường;
- Xác định biện pháp xây dựng hệ thống hạ tầng kết hợp mục tiêu phòng, chống thiên tai;
- Xác định nguồn lực để thực hiện biện pháp lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai.

Chi tiết mẫu hướng dẫn xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai xem Phần 4.

BƯỚC 5: THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

- UBND xã tổ chức hội nghị triển khai và thông báo cho người dân về kế hoạch đã được phê duyệt, đồng thời giải trình các hạng mục mà người dân đề nghị nhưng chưa đưa vào kế hoạch;
- Huy động người dân tham gia thực hiện các hoạt động theo kế hoạch.

BƯỚC 6: GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ KẾ HOẠCH CÓ SỰ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG

1. MỤC ĐÍCH

- Bảo đảm thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai có hiệu quả;
- Điều chỉnh kịp thời những phát sinh, vướng mắc (nếu có) trong quá trình thực hiện;
- Rút ra các bài học kinh nghiệm để bổ sung cho xây dựng kế hoạch năm sau.

2. CÔNG VIỆC THỰC HIỆN

- Nhóm Hỗ trợ kỹ thuật cùng nhóm cộng đồng xây dựng kế hoạch giám sát, đánh giá và trình UBND xã phê duyệt;
- UBND xã thông báo rộng rãi kế hoạch giám sát, đánh giá cho cộng đồng biết để phối hợp thực hiện;
- Nhóm Hỗ trợ kỹ thuật cùng nhóm cộng đồng và người dân tổ chức giám sát, đánh giá dựa trên mục tiêu, nội dung hoạt động của bản kế hoạch đã được phê duyệt;
- Nhóm Hỗ trợ kỹ thuật tổng hợp thông tin và viết báo cáo;
- UBND xã tổ chức các cuộc họp định kỳ nghe báo cáo giám sát, đánh giá và thông báo kết quả các cuộc họp ở cấp xã và thôn/bản/ấp.



³Điều 16, Luật phòng, chống thiên tai UBND các cấp (trong đó có cấp xã) có trách nhiệm lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

PHẦN 4: MẪU HƯỚNG DẪN KẾ HOẠCH PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI (CỤ THỂ HÓA BƯỚC 4)

Mẫu hướng dẫn “Kế hoạch Phòng, chống thiên tai”

UBND XÃ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày ... tháng ... năm

KẾ HOẠCH PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Theo văn bản chỉ đạo số...ngày...tháng ...năm... của Tỉnh (Huyện)...

Nhằm chủ động trong công tác phòng, chống thiên tai, ứng phó kịp thời, hiệu quả, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế, xã hội của xã năm 2014, Ủy ban nhân dân xã xây dựng Kế hoạch Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2014 như sau:

A. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU:

1. Nhằm tuyên truyền, giáo dục, cung cấp kiến thức về phòng, chống thiên tai và tác động của nó đến an toàn tính mạng và tài sản của người dân trong xã.
2. Xác định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thuộc địa bàn xã trong hoạt động phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật.
3. Chủ động phòng ngừa, ứng phó kịp thời để giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra. Đồng thời khắc phục khẩn trương, có hiệu quả sau thiên tai.
4. Quán triệt và thực hiện có hiệu quả phương châm “bốn tại chỗ” (chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ).
5. Nâng cao năng lực xử lý tình huống, sự cố, chỉ huy, điều hành tại chỗ để ứng phó thiên tai có hiệu quả.
6. Nâng cao nhận thức cộng đồng trong “Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” để phát huy ý thức tự giác, chủ động phòng, chống thiên tai của toàn dân trên địa bàn xã.
7. Cung cấp thông tin cho việc lồng ghép vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội tại địa phương.

B. NỘI DUNG CỦA “KẾ HOẠCH PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI”:

I. Giới thiệu tình hình chung và những thông tin cơ bản trong xã

1. Đặc điểm tự nhiên

Chi tiết về đặc điểm tự nhiên của xã tham khảo Bảng 1.

2. Đặc điểm dân sinh, kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng

Chi tiết về đặc điểm dân sinh, kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng tham khảo Bảng 2.

II. Tổng hợp phân tích tình hình

1. Tình hình thiên tai

- Nêu loại thiên tai đã xảy ra trong những năm gần đây (5-10 năm) và những thiên tai lịch sử (nếu có).
- Phân tích đặc điểm của từng loại thiên tai theo một số tiêu chí: thời gian xảy ra, dấu hiệu báo trước, số lần xuất hiện, mức độ tác động, nguyên nhân gây ra thiên tai và xu hướng tăng/giảm của các loại thiên tai, đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu;
- Những thiệt hại và tác động của nó đã xảy ra ở địa phương;
- Những bài học kinh nghiệm đã được rút ra;
- Nhận định về nguy cơ những loại hình thiên tai có thể xảy ra trong thời gian tới.

Chi tiết về tình hình thiên tai tham khảo Bảng 3.

2. Xác định những vấn đề cấp thiết của cộng đồng – mối quan tâm của người dân

Xác định rõ những vấn đề cấp thiết cần làm ngay trước mùa thiên tai bão, lũ và các thiên tai khác, xem xét xử lý mối quan tâm lo ngại của người dân đối với những rủi ro có thể xảy ra.

3. Xác định các yếu tố dễ bị tổn thương

Xác định rõ các yếu tố dễ bị tổn thương đặc biệt là các đối tượng dễ bị tổn thương (DBTT) như: trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ đang mang thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi, người khuyết tật, người bị bệnh hiểm nghèo và người nghèo.

Chi tiết về các yếu tố dễ bị tổn thương tham khảo Bảng 4.

4. Đánh giá năng lực phòng, chống và ứng phó của cộng đồng

Xác định rõ các nguồn lực hiện có trong xã và trong dân, những điểm mạnh, điểm yếu, khả năng có thể huy động và ứng phó trong phòng, chống thiên tai bao gồm:

- Các nguồn lực (con người, cơ sở vật chất và tài chính; các nguồn lực này ở đâu, do ai đang quản lý, sử dụng); Nhận thức, kinh nghiệm, kỹ năng của cộng đồng và người dân có thể được huy động và sử dụng trong phòng, chống thiên tai.
- Năng lực tổ chức di dời sơ tán dân (địa điểm, phương tiện, tổ chức điều hành).
- Năng lực cứu hộ cứu nạn (con người, phương tiện, trang thiết bị).
- Hệ thống công trình, cơ sở hạ tầng (nhà kiên cố, đường cứu hộ, hệ thống đê điều...).

Chi tiết về nguồn lực tham khảo Bảng 5.

5. Đánh giá mức độ nhận thức về rủi ro thiên tai của người dân

Thu thập và phân tích các thông tin về sự hiểu biết của người dân trong công tác phòng, chống thiên tai và những hành động ứng phó của họ với thiên tai để có kế hoạch nâng cao nhận thức và tổ chức phòng tránh cho cộng đồng.

6. Phân tích rủi ro - Lựa chọn giải pháp

Phân tích rủi ro do thiên tai gây ra để lựa chọn và tìm ra giải pháp phòng chống thích hợp; đồng thời xác định thứ tự ưu tiên thực hiện (lưu ý tới nhóm đối tượng DBTT).

Ví dụ: Rủi ro thiên tai do bão gây ra có thể là nhà cửa bị tốc mái hoặc sập đổ; người dân bị thiệt mạng hoặc thương tích; thuyền đánh cá bị phá hỏng; cây trồng bị quật ngã, mùa màng thất thu; người dân xây dựng nhà ở những khu vực có nguy cơ xảy ra lũ quét; khu vực có nhiều nhà tạm, nhà cấp 4 trong vùng bão, lũ; ngư dân đánh bắt thủy hải sản thiếu trang thiết bị đảm bảo an toàn...

III. Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả

1. Tổ chức phòng ngừa

- a. Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức và năng lực của cộng đồng về phòng, chống thiên tai.
- b. Tăng cường hệ thống thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai.
- c. Quy hoạch vùng dân cư và tổ chức sản xuất thích ứng với thiên tai; rà soát, xác định khu vực nguy hiểm, có kế hoạch di dời dân cư ra khỏi vùng có rủi ro thiên tai cao.
- d. Chuẩn bị về nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị và nhu yếu phẩm phục vụ ứng phó thiên tai.
- đ. Thực hiện tổng hợp các giải pháp: công trình và phi công trình (Chi tiết xem Mục II, Phụ lục 1).
- e. Lập kế hoạch nâng cấp trường học, trạm y tế, trụ sở công, nhà văn hóa cộng đồng và công trình công cộng khác (Các công trình này cần được kết hợp sử dụng làm địa điểm sơ tán dân khi có thiên tai).

2. Xây dựng phương án ứng phó

2.1. Phương án ứng phó thiên tai bao gồm một số nội dung chính sau đây:

- a. Bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai và công trình trọng điểm (ví dụ: Đê, kè, cống, bờ bao, hồ, đập, hệ thống trạm bơm, kênh, mương tưới tiêu...);
- b. Phương án và địa điểm sơ tán, bảo vệ người, tài sản, bảo vệ sản xuất;
- c. Đảm bảo an ninh trật tự, giao thông, thông tin liên lạc;
- d. Phối hợp chỉ đạo, chỉ huy phòng tránh, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;
- đ. Xác định nguồn nhân lực ứng phó thiên tai;
- e. Chuẩn bị vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm cho hoạt động phòng, chống thiên tai (theo phương châm bốn tại chỗ: chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ);
- f. Tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập kỹ năng phòng, chống thiên tai;
- h. Tổ chức thường trực, trực ban cập nhật thông tin diễn biến thiên tai; chuẩn bị địa điểm sơ tán; tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập kỹ năng phòng, chống thiên tai.

2.2. Phương án ứng phó cho một số loại thiên tai cụ thể:

** Đối với bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, nước dâng, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy :*

- a. Sơ tán người ra khỏi khu vực nguy hiểm, nơi không đảm bảo an toàn; tập trung triển khai biện pháp đảm bảo an toàn cho người, đặc biệt đối tượng dễ bị tổn thương trong tình huống thiên tai khẩn cấp;
- b. Phối hợp với các đơn vị hữu quan di chuyển tàu thuyền, phương tiện nuôi trồng thủy sản trên biển, ven biển, trên sông ra khỏi khu vực nguy hiểm; tổ chức kiểm đếm, hướng dẫn tàu thuyền trong địa bàn xã neo đậu an toàn;
- c. Thực hiện biện pháp đảm bảo an toàn đối với nhà cửa, công sở, bệnh viện, trường học, kho tàng, công trình và cơ sở kinh tế, an ninh, quốc phòng trong địa bàn xã;
- d. Chủ động thực hiện biện pháp bảo vệ sản xuất;
- đ. Kiểm tra, phát hiện và xử lý sự cố công trình phòng, chống thiên tai; công trình trọng điểm về kinh tế - xã hội và an ninh, quốc phòng;
- e. Giám sát, hướng dẫn và chủ động thực hiện việc hạn chế hoặc cấm người, phương tiện đi vào khu vực nguy hiểm trên sông, trên biển, khu vực và tuyến đường bị ngập sâu, khu vực có nguy cơ sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy và khu vực nguy hiểm khác;
- g. Đảm bảo giao thông và thông tin liên lạc đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai;

- h. Thực hiện hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu chữa người bị thương, hỗ trợ lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm khác tại khu vực bị chia cắt, khu vực ngập lụt nghiêm trọng và địa điểm sơ tán;
- i. Đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của Nhà nước và nhân dân tại khu vực xảy ra thiên tai;
- k. Huy động khẩn cấp và tuân thủ quyết định chỉ đạo, huy động khẩn cấp về nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm để kịp thời ứng phó với thiên tai.

** Đối với hạn hán và xâm nhập mặn:*

- a. Điều chỉnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mùa vụ phù hợp với dự báo, cảnh báo và tình hình diễn biến hạn hán và xâm nhập mặn;
- b. Kiến nghị vận hành hợp lý các hồ chứa nước có liên quan đến xã, công trình cấp nước, ưu tiên cấp nước sinh hoạt; sử dụng tiết kiệm, chống thất thoát nước;
- c. Kiến nghị ưu tiên cung cấp điện và vật tư, nhiên liệu cần thiết cho các trạm bơm;
- d. Phối hợp với các đơn vị hữu quan trong việc quan trắc độ mặn, điều hành đóng mở cống lấy nước và ngăn mặn phù hợp với tình huống cụ thể.

** Đối với sương muối, rét hại:*

- a. Triển khai biện pháp chống rét cho người, đặc biệt cho đối tượng dễ bị tổn thương;
- b. Triển khai chống rét và đảm bảo nguồn thức ăn cho gia súc;
- c. Triển khai biện pháp bảo vệ cây trồng phù hợp.

** Đối với động đất, sóng thần :*

- a. Chủ động trú, tránh, đảm bảo an toàn khi xảy ra động đất;
- b. Chủ động sơ tán ra khỏi khu vực chịu ảnh hưởng của sóng thần;
- c. Tổ chức tìm kiếm cứu nạn, cứu chữa người bị thương;
- d. Bố trí nơi ở tạm, hỗ trợ lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống, nhu yếu phẩm khác cho người dân bị ảnh hưởng;
- đ. Đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của Nhà nước và nhân dân tại khu vực xảy ra thiên tai.

** Đối với nắng nóng, lốc, sét, mưa đá và các loại thiên tai khác :*

Căn cứ vào dự báo, cảnh báo, tính chất và diễn biến thực tế của từng loại thiên tai, chủ động triển khai biện pháp ứng phó phù hợp với tình huống cụ thể.

3. Tổ chức khắc phục hậu quả

3.1. Triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu trợ, hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nhu yếu phẩm thiết yếu khác và hỗ trợ tâm lý để ổn định đời sống của người dân:

- a. Cấp cứu kịp thời người gặp nguy hiểm; tìm kiếm người, phương tiện mất tích;
- b. Tiếp tục sơ tán người ra khỏi nơi nguy hiểm, ưu tiên đối tượng dễ bị tổn thương;
- c. Lập các trạm cấp cứu tạm thời hoặc trưng dụng có thời hạn trụ sở cơ quan, trường học, cơ sở y tế tại khu vực có thiên tai để tiếp nhận cấp cứu người bị nạn;
- d. Xác định đối tượng cần được cứu trợ bao gồm cá nhân bị thương, hộ gia đình có người bị chết; hộ gia đình, cá nhân bị mất nhà ở, không có lương thực, nước uống và nhu yếu phẩm khác có nguy cơ ảnh hưởng tới tính mạng và sức khỏe, đặc biệt quan tâm tới đối tượng dễ bị tổn thương;
- đ. Huy động người, vật tư, trang thiết bị, thuốc chữa bệnh để tham gia cứu chữa người bị nạn;
- e. Dựng các lán trại tạm thời cho người dân bị mất nhà ở;

f. Cấp phát lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nước sạch và nhu yếu phẩm thiết yếu.

3.2. Thống kê, đánh giá thiệt hại, nhu cầu cần cứu trợ:

- a. Thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra, nhu cầu cứu trợ, hỗ trợ và đề xuất phương án khắc phục hậu quả;
- b. Kiến nghị hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh và nhu yếu phẩm thiết yếu khác để ổn định đời sống của người dân, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh ở khu vực bị tác động của thiên tai;
- c. Kiến nghị hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư, trang thiết bị, nhiên liệu thiết yếu khác để phục hồi sản xuất;
- d. Tổ chức vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh ở khu vực bị tác động của thiên tai;
- đ. Lập kế hoạch và đề xuất sửa chữa, khôi phục, nâng cấp công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, thông tin, thủy lợi, điện lực, trường học, cơ sở y tế và công trình hạ tầng công cộng.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Phân công trách nhiệm và tổ chức thực hiện

Xác định rõ trách nhiệm, phân công cụ thể cho các tổ chức, đoàn thể và các cá nhân thực hiện Kế hoạch phòng, chống thiên tai:

- Chủ tịch UBND xã chỉ đạo hoàn thiện, phê duyệt bản Kế hoạch và tổ chức thực hiện;
- Phân công cụ thể và xác định rõ trách nhiệm của từng thôn/bản/ấp;
- Tổ chức hội nghị triển khai và thông báo cho người dân về Kế hoạch đã được phê duyệt, đồng thời giải trình các hạng mục mà người dân đề nghị nhưng chưa đưa vào kế hoạch;
- Huy động người dân tham gia thực hiện các hoạt động theo kế hoạch;
- Tổ chức thông tin, tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng; tổ chức thường trực, cập nhật thông tin diễn biến thiên tai.

2. Xác định nguồn lực để thực hiện bản kế hoạch này

Cần xác định nguồn lực để ứng phó khi thiên tai xảy ra như đã nêu ở trên. Trong trường hợp năm đó không có thiên tai xảy ra thì vẫn phải xác định nguồn lực để thực hiện bản kế hoạch này cho các hoạt động như tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức, diễn tập, tập huấn...; bao gồm một số nguồn lực chủ yếu sau:

- Tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trên địa bàn xã là lực lượng tại chỗ thực hiện Kế hoạch phòng, chống thiên tai.
- Các nguồn lực từ các tổ chức chính trị xã hội trong xã; ví dụ: lực lượng dân quân tự vệ, Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh, Hội chữ thập đỏ...
- Các nguồn vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm trong cộng đồng.
- Hệ thống thông tin, truyền thông công cộng.
- Quỹ phòng, chống thiên tai.
- Các nguồn đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân.
- Các nguồn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước và các tổ chức khác vv...

3. Xây dựng tiến độ thực hiện, theo dõi, giám sát, đánh giá

Trong tiến độ thực hiện, theo dõi giám sát đánh giá cần xác định rõ thời gian cho từng hoạt động (Ví dụ: Thời gian diễn tập, thời gian hoàn thành việc thành lập các nhóm, thành lập Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp xã, thời gian hoàn thành việc giám sát, đánh giá...).

4. Tổng kết báo cáo rút kinh nghiệm, cập nhật và chuẩn bị kế hoạch cho năm sau và những năm tiếp theo

Nêu ra được các bài học cần rút kinh nghiệm, những thông tin cần cập nhật, những hoạt động cần phải điều chỉnh ...

Biểu dương, khen thưởng, kỷ luật (nếu có); nhân rộng các điển hình tiên tiến, tham khảo chia sẻ thông tin với các xã bạn và cộng đồng.

Đề xuất kiến nghị với cấp có thẩm quyền giải quyết những việc còn tồn đọng.

Góp ý cho cấp trên về những chỉ đạo điều hành chưa hợp lý trong công tác phòng, chống thiên tai.

** Một số nội dung, thông tin trong “Kế hoạch phòng, chống thiên tai” có thể được thể hiện dưới hình thức các bảng và sơ đồ sau:*

Bảng 1. Đặc điểm tự nhiên

Bảng 2. Đặc điểm dân sinh, kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng

Bảng 3. Tình hình thiên tai gần đây (5-10 năm)

Bảng 4. Các yếu tố dễ bị tổn thương

Bảng 5. Nguồn lực

Bảng 6. Một số hoạt động cụ thể

Sơ đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ: Sơ đồ được vẽ sơ họa hoặc sử dụng bản đồ hiện có nhằm:

- Xác định địa điểm, vị trí sơ tán dân;
- Xác định vị trí, địa điểm các nguồn lực sẽ được huy động;
- Khoanh vùng hoặc tô màu các vùng bị ngập sâu, các vùng có nguy cơ sạt trượt và các vùng nguy hiểm khác ...
- Xác định các tuyến đường huyết mạch giữa các thôn/bản và giữa các thôn/bản với xã.

Bảng 1. Đặc điểm tự nhiên

STT	Tên mục	Nội dung	Ghi chú
I	Vị trí địa lý	Phía Bắc giáp:..... Phía Nam giáp:.... Phía Đông giáp:... Phía Tây giáp:....	
II	Địa hình	- Đồng bằng - Vùng ven biển - Vùng trũng - Miền núi - Trung du....	
III	Sông ngòi	- Hệ thống sông lớn chảy qua: - Đặc điểm sông:	
IV	Đất đai	- Tổng diện tích đất tự nhiên:.....ha - Đất thổ cư:.....ha - Đất nông nghiệp:.....ha + Đất trồng lúa:.....ha + Đất trồng cây:.....ha + Đất rừng:.....ha + Đất nuôi trồng thủy sản:.....ha - Đất khác:....	
	...		

Bảng 2. Đặc điểm dân sinh, kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng

STT	Tên mục	Đơn vị	Tổng toàn xã	Phân chia theo thôn					Ghi chú
				1	2	3	4	...	
I	Dân cư								
1	Tổng số hộ	Hộ							
2	Tổng số dân	Người							
	<i>Nam</i>	Người							
	<i>Nữ</i>	Người							
3	Cơ cấu độ tuổi								
	<i>Trẻ em (Dưới 16 tuổi)</i>	Người							
	<i>Thanh niên và Trung niên (Từ 16-60 tuổi)</i>	Người							
	<i>Người già (Trên 60 tuổi)</i>	Người							
4	Số lao động trong độ tuổi								
	<i>Nam (16-60)</i>	Người							
	<i>Nữ (16-55)</i>	Người							
5	Dân tộc								
	<i>Kinh</i>	Người							
	<i>Khác</i>	Người							
	...								
6	Tôn giáo								
	...								
II	Ngành nghề chính/Nguồn thu nhập								
1	Nông nghiệp								
	<i>Diện tích trồng trọt</i>	ha							
	<i>Số lượng gia súc, gia cầm...</i>	con							
	<i>Số lao động trong ngành</i>	Người							
	...								
2	Lâm nghiệp								
	<i>Diện tích trồng rừng</i>	Ha							
	<i>Số lao động trong ngành</i>	Người							
	...								
3	Nuôi trồng thủy hải sản, đánh bắt cá								
	<i>Diện tích nuôi trồng thủy hải sản</i>	ha							
	<i>Số lao động trong ngành</i>	Người							
	...								
4	Công nghiệp								
	<i>Số lao động trong ngành</i>	Người							
	...								

5	Tiểu thủ công nghiệp								
	<i>Số hộ gia đình trong ngành</i>	Hộ							
6	Nghề khác								
	...								
III Cơ sở hạ tầng, vật chất									
1	Công trình công cộng (có thể tận dụng làm nơi trú ẩn an toàn)								
	<i>Trường học</i>	Cái							
	<i>Trạm y tế</i>	Cái							
	<i>Hội trường, nhà văn hóa</i>	Cái							
	...								
2	Nhà ở								
	<i>Nhà kiên cố (có thể tận dụng làm nơi trú ẩn an toàn)</i>	Cái							
	<i>Nhà tạm, dễ sập</i>	Cái							
	<i>Nhà ven sông</i>	Cái							
	<i>Nhà ven núi</i>	Cái							
								
3	Hệ thống giao thông								
	<i>Đường đất</i>	Km							
	<i>Đường bê tông</i>	Km							
	<i>Cầu cống kiên cố</i>	Km							
	...								
4	Hệ thống thủy lợi								
	<i>Đê</i>	Km							
	<i>Hồ chứa</i>	Cái							
	<i>Kênh mương</i>	Km							
	...								
5	Hệ thống đường điện								
	<i>Trạm biến áp</i>	Cái							
	<i>Đường dây điện</i>	Km							
	...								
6	Hệ thống nước sinh hoạt								
	<i>Công trình nước sạch</i>	Cái							
	<i>Giếng nước sạch</i>	Cái							
	...								
7	Hệ thống thông tin liên lạc								
	<i>Trạm phát thanh</i>	Cái							
	<i>Loa phóng thanh</i>	Cái							
	...								

Bảng 3. Tình hình thiên tai gần đây (5 – 10 năm)

STT	Thiên tai	Thời gian xảy ra	Khu vực bị ảnh hưởng	Thiệt hại	Bài học kinh nghiệm nhằm giảm thiệt hại	Ghi chú
1	Bão	Tháng... năm...	Thôn...	<ul style="list-style-type: none"> - Số người chết, bị thương - Số nhà sập, tốc mái. - Giảm năng suất và thiệt hại về cây trồng. - Gia súc-gia cầm chết, bị cuốn trôi - Hư hỏng sản phẩm sản xuất ... 	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng kế hoạch Phòng, chống thiên tai cần cụ thể, chi tiết và sát thực... - Cảnh báo sớm - Tổ chức di dời dân - Chằng chống nhà cửa - Tổ chức thu hoạch sớm - Kê cao đồ đạc - Chặt tỉa cành cây ... 	
2	Lũ					
3	Lũ quét					
	...					

Bảng 4. Các yếu tố dễ bị tổn thương

STT	Tên mục	Đơn vị	Tổng toàn xã	Phân chia theo thôn					Ghi chú
				1	2	3	4	...	
I	Con người								
1	Trẻ em	Người							
2	Người già	Người							
3	Người khuyết tật	Người							
4	Phụ nữ đang mang thai, nuôi con dưới 12 tháng tuổi	Người							
5	Phụ nữ đơn thân	Người							
6	Số hộ nghèo	Hộ							
7	Người bị bệnh hiểm nghèo	Người							
8	Số người bị sơ tán, di dời trước thiên tai	Người							
	...								
II	Cơ sở hạ tầng								
1	Nhà tạm, dễ sập	Cái							
2	Nhà ven sông, ven suối	Cái							
3	Nhà ven núi, sườn đồi, mái dốc	Cái							
	...								
III	Sản xuất								
1	Vùng dễ bị ngập lụt	ha							
2	Vùng dễ bị hạn hán	ha							
	...								

Bảng 5. Nguồn lực

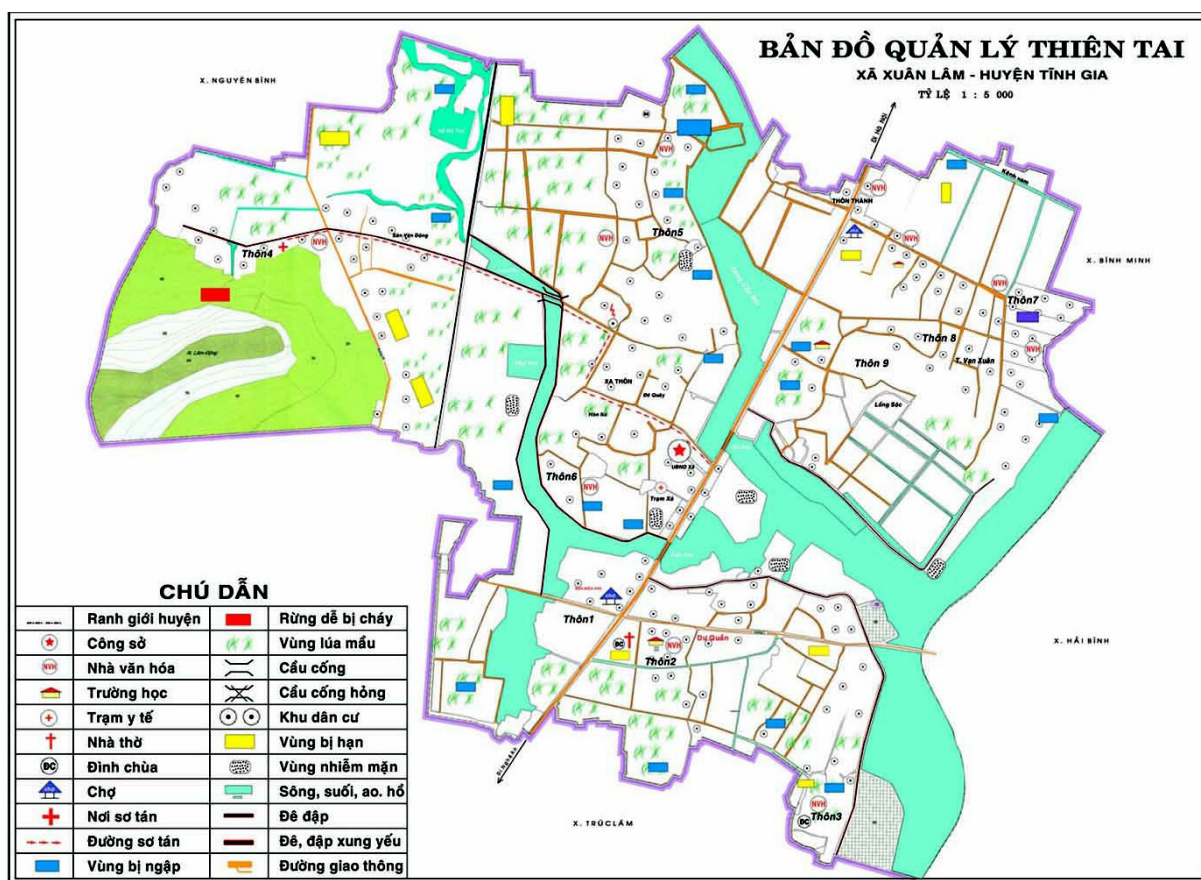
STT	Tên mục	Đơn vị	Tổng toàn xã	Phân chia theo thôn					Ghi chú
				1	2	3	4	...	
I	Con người								
1	Ban chỉ huy các cấp								
Thành phần:	Người								
2	Lực lượng cơ động								
Thành phần:	Người								
3	Lực lượng thanh niên xung kích								
Thành phần:	Người								
4	Lực lượng dự bị động viên								
Thành phần:	Người								
5	Lực lượng dân quân								
Thành phần:	Người								
6	Lực lượng cứu hộ cứu nạn								
Thành phần:	Người								
7	Lực lượng y tế	Người							
	...								
II	Cơ sở hạ tầng								
1	Đường bê tông, đường di tản an toàn	Km							
2	Nhà kiên cố là nơi trú ẩn an toàn	Cái							
3	Hệ thống đê bao, bờ bao	Km							
	...								
III	Vật tư, phương tiện, trang thiết bị, hậu cần								
1	Trang thiết bị cứu hộ cứu nạn								
	Ô tô	Cái							
	Thuyền máy	Cái							
	Thuyền cứu hộ	Cái							
	Áo phao	Cái							
	Phao cứu sinh	Cái							
	...								
2	Hệ thống thông tin liên lạc								
	Trạm phát thanh	Cái							
	Loa phóng thanh	Cái							
	Điện thoại liên lạc	Cái							
	...								
3	Vật tư dự trữ								

	Tre, nứa...	Cây									
	Bao tải cát, rọ thép	Cái									
	Bạt	Cái									
	Dây buộc	Cuộn									
	Cát, đá, sỏi	Tấn									
	...										
4	Lương thực, thực phẩm dự trữ										
	Gạo	Kg									
	Nước uống	Lít									
	Mì tôm	Thùng									
	...										
5	Dụng cụ y tế										
	Hộp thuốc dự phòng	Cái									
	...										

Bảng 6. Một số hoạt động cụ thể

STT	Hoạt động	Đơn vị	Thời gian	Số lượng	Địa điểm	Tổng toàn xã	Phân chia theo thôn					Ghi chú
							1	2	3	4	...	
1	Tổ chức phòng ngừa											
	<i>Số buổi tuyên truyền, phổ biến kiến thức nâng cao nhận thức cộng đồng</i>	Buổi										
	<i>Số người được tuyên truyền, phổ biến kiến thức nâng cao nhận thức cộng đồng</i>	Người										
	<i>Các tin được phát trên trạm phát thanh, loa đài</i>	Lần										
	<i>Tổ chức diễn tập</i>	Lần										
	...											
2	Hoạt động ứng phó											
	<i>Số nhà cửa được chằng chống</i>	Cái										
	<i>Sơ tán, di dời dân</i>	Người										
	<i>Diện tích hoa màu được thu hoạch sớm</i>	Ha										
											
3	Tổ chức khắc phục, hậu quả											
	...											

Ví dụ về Sơ đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ tại xã Xuân Lâm - Huyện Tĩnh Gia - tỉnh Thanh Hóa:



(Nguồn: Dự án tăng cường năng lực chống chịu thông qua thực hiện Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng - BRICK)

PHỤ LỤC I: THIÊN TAI VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP CƠ BẢN GIẢM NHẸ THIÊN TAI Ở VIỆT NAM

I. MỘT SỐ LOẠI HÌNH THIÊN TAI

1. Bão và áp thấp nhiệt đới

Bão và áp thấp nhiệt đới đều là một vùng gió xoáy có phạm vi ảnh hưởng rộng từ 200 đến 500 km. Khi đổ bộ vào đất liền, bão và áp thấp thường gây gió lớn, mưa to và nước dâng gây thiệt hại trực tiếp và kéo theo các hiểm họa khác.

Bão và áp thấp nhiệt đới được nhận biết dựa vào cấp gió (Gió dưới cấp 8 được gọi là áp thấp nhiệt đới; gió từ cấp 8 trở lên được gọi là bão; bão từ cấp 10 đến cấp 11 được gọi là bão mạnh; từ cấp 12 trở lên được gọi là bão rất mạnh).

* **Cơn bão Haiyan** (cơn bão số 14 xuất hiện tháng 11 năm 2013 ở Việt Nam) được gọi là siêu bão.



2. Lốc

Lốc là một luồng gió xoáy hình phễu, xảy ra đột ngột, diễn ra trong thời gian ngắn, di chuyển nhanh trên mặt đất hoặc trên biển.

Lốc có sức gió mạnh tương đương với sức gió của bão, hoạt động trong không gian hẹp từ vài km² đến vài chục km².

Lốc có thể nhìn thấy từ luồng gió xoáy cuốn theo những vật thể (ví dụ: cát bụi, nhà cửa, cây cối ...)



3. Lũ

Lũ là hiện tượng khi mực nước và tốc độ dòng chảy trên sông, suối vượt quá mức bình thường trong một thời gian nhất định, sau đó rút xuống ở mức bình thường.



4. Ngập lụt

Ngập lụt là hiện tượng nước ngập vượt quá mức bình thường, làm ngập công trình, nhà cửa, cây cối, đồng ruộng,...ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống.



5. Lũ quét

Lũ quét là lũ xảy ra bất ngờ, dòng chảy xiết thường kèm theo đất đá và bùn cát..., lên nhanh, xuống nhanh, sức tàn phá lớn, thường xảy ra ở khu vực có địa hình dốc



6. Sạt lở đất

Sạt lở đất là hiện tượng đất bị sạt, trượt do mất ổn định, thường xảy ra ở các khu vực đồi núi dốc và bờ sông, bờ biển.



7. Mưa đá

Mưa đá là hiện tượng mưa dưới dạng hạt hoặc cục băng, có kích thước khoảng từ vài milimet (mm) đến hàng chục centimet (cm), thường xảy ra trong thời điểm giao mùa. Trong cơn dông, mưa đá thường kèm theo gió rất mạnh, có khi là gió lốc.



8. Sương muối

Sương muối là hiện tượng hơi nước ở sát mặt đất đóng băng thành các hạt nhỏ và trắng như muối ngay trên mặt đất hay bề mặt cây cỏ hoặc các vật thể khác khi không khí trên đó ẩm và lạnh.

Sương muối chỉ có màu trắng giống như tinh thể muối nhưng không có vị mặn.



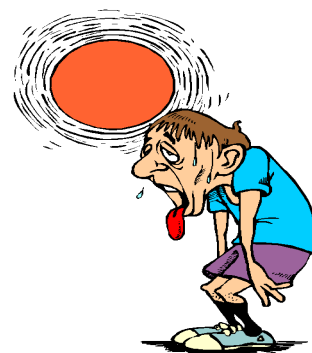
9. Rét hại

Rét hại là khi nhiệt độ trung bình ngày trong khu vực giảm xuống dưới 13 độ C, thời tiết nhiều mây và có thể có mưa nhỏ. Rét hại thường hay xảy ra ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ vào các tháng chính đông.



10. Nắng nóng

Nắng nóng là một dạng thời tiết khi nhiệt độ cao nhất nằm trong khoảng 35°C – 37°C và khi nhiệt độ cao hơn 37°C được gọi là nắng nóng gay gắt.



11. Hạn hán

Hạn hán là hiện tượng thiếu nước cho sinh hoạt và sản xuất trong một khoảng thời gian nhất định (hạn hán có thể do lượng mưa thiếu hụt nghiêm trọng kéo dài; thiếu nguồn nước; sông, suối, ao hồ cạn kiệt; giảm mực nước ngầm; giảm độ ẩm trong đất; do tác động bất hợp lý của con người).



12. Xâm nhập mặn

Xâm nhập mặn là hiện tượng nước mặn (với độ mặn 4 phần nghìn) từ biển xâm nhập sâu vào đất liền và ảnh hưởng tới nguồn nước ngọt dùng trong sinh hoạt, sản xuất, sự phát triển của cây trồng và vật nuôi.



13. Động đất

Động đất là sự rung chuyển hay chuyển động đột ngột của bề mặt trái đất trong một khu vực nhất định. Mức độ xảy ra động đất ở các nơi rất khác nhau, tùy thuộc vào vị trí địa lý. Động đất có khả năng gây ra những chấn động lớn.



14. Sóng thần

Sóng thần là các đợt sóng biển do động đất ở đáy biển gây ra, có thể có chiều cao hàng chục mét, chiều dài tới hàng trăm km hoặc lớn hơn tiến từ đại dương vào bờ biển và tiến sâu vào nội địa, có sức tàn phá lớn.



15. Nước dâng do bão:

Nước dâng do bão là các đợt sóng biển do bão gây ra có thể có chiều cao vài mét tiến từ đại dương vào bờ biển và tiến sâu vào nội địa, có sức tàn phá lớn.



II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CƠ BẢN GIẢM NHẸ RỦI RO THIÊN TAI

Những hoạt động về phòng, chống thiên tai được quy định từ Điều 13 đến Điều 33 tại Chương II của Luật phòng chống thiên tai. Trong tài liệu này, các hoạt động trong phòng, chống thiên tai được chia thành các nhóm giải pháp cơ bản sau:

1. Nhóm giải pháp phi công trình:

- Phát triển thể chế (khung pháp lý, xây dựng chính sách);
- Xây dựng, củng cố bộ máy và nâng cao năng lực cán bộ;
- Quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch dân cư và phân vùng rủi ro thiên tai;
- Nâng cao nhận thức cộng đồng, các cấp, các ngành và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng;
- Xây dựng kế hoạch Phòng chống thiên tai và lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội;
- Thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng chống thiên tai;
- Chuẩn bị nguồn lực theo phương châm 4 tại chỗ;
- Theo dõi, giám sát, đánh giá, giải trình các hoạt động về phòng chống thiên tai;
- Xây dựng và phát triển hệ thống thông tin cảnh báo sớm;
- Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ và kết hợp sử dụng kinh nghiệm truyền thống;
- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, bố trí mùa vụ thích hợp;
- Hợp tác quốc tế, trao đổi kinh nghiệm;
- Trồng rừng và bảo vệ rừng;
- Xây dựng cơ sở dữ liệu về thiên tai.

2. Nhóm giải pháp công trình

- Các công trình phòng chống thiên tai như hệ thống hồ, đập, đê sông, đê biển, bờ bao, kè chống sạt lở, hệ thống trạm bơm, cống, kênh, mương tưới, tiêu, các công trình ngăn xâm nhập mặn...;
- Các công trình phân chậm lũ, hệ thống đường tràn cứu hộ;
- Các trạm đo đạc, quan trắc, dự báo khí tượng và các hệ thống cảnh báo thiên tai;
- Các khu vực neo đậu tàu thuyền và tránh trú bão;
- Xây dựng cụm tuyến dân cư vượt lũ và tránh trú bão;
- Các công trình kết hợp làm nơi tránh trú bão, sơ tán người dân;
- Công trình phục vụ thông tin liên lạc trước, trong và sau thiên tai;
- Kho bãi chứa nguyên, vật liệu;
- Các trang thiết bị cứu trợ, cứu nạn.

3. Nhóm giải pháp tổng hợp

- Kết hợp cả giải pháp công trình và phi công trình

PHỤ LỤC 2: BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

I. KHÁI NIỆM CHUNG

1. Thời tiết

Thời tiết là trạng thái khí quyển tại một địa điểm nhất định được xác định bằng tổ hợp các yếu tố: Nhiệt độ, áp suất, độ ẩm, tốc độ gió, nắng, mưa, sương mù...

Thời tiết thường dễ thay đổi trong một thời gian ngắn, có thể là một buổi, một ngày hoặc vài ngày.



2. Khí hậu

Khí hậu là thuật ngữ mô tả các trạng thái thời tiết đã từng xảy ra tại một nơi nào đó trong một khoảng thời gian nhất định. Khác với thời tiết, khí hậu có tính ổn định tương đối.

3. Biến đổi khí hậu

Biến đổi khí hậu là sự thay đổi của khí hậu diễn ra trong một khoảng thời gian dài, do nguyên nhân tự nhiên hoặc hoạt động của con người.

Các ngành công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải phát thải vào khí quyển một lượng lớn các *khí nhà kính*. Ví dụ: sử dụng nguồn nguyên liệu hóa thạch (than, dầu, khí đốt); khói bụi từ các nhà máy nhiệt điện, lò gạch, xe cơ giới, đốt rơm rạ, chặt phá rừng, bãi tập trung rác thải...



4. Khí nhà kính

Bầu khí quyển của Trái Đất chứa một số loại khí đặc biệt gọi là *khí nhà kính*, vì cách mà chúng làm ấm Trái Đất tương tự như cách người ta giữ nhiệt cho các ngôi nhà làm bằng kính để trồng cây.

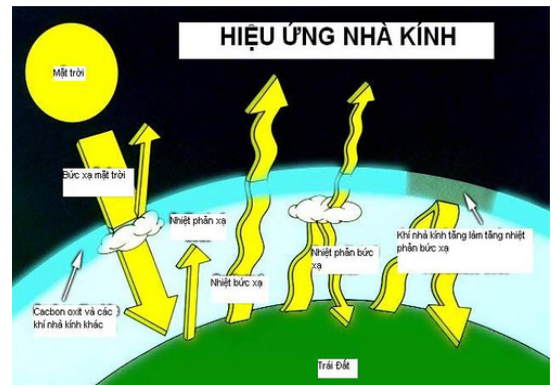
Khí nhà kính chủ yếu bao gồm: hơi nước (H_2O); cacbon đioxit (CO_2); metan (CH_4); các khí CFC; các khí đinitơ oxit (N_2O); và khí ozon trong tầng đối lưu (O_3); Những khí này giống như một chiếc chăn có độ dày vừa đủ, giúp giữ ấm cho Trái Đất ở trong khoảng nhiệt độ thích hợp, khiến sự sống có thể phát triển và sinh sôi nảy nở. Nếu không có những khí này, nhiệt từ Mặt Trời sẽ không được giữ lại và bề mặt Trái Đất sẽ trở nên lạnh lẽo.



5. Hiệu ứng nhà kính

Hiệu ứng nhà kính là khả năng giữ nhiệt của bầu khí quyển ngay phía trên bề mặt của Trái đất do các khí nhà kính có khả năng giữ lại lượng nhiệt tỏa ra từ bề mặt Trái đất và phát lượng nhiệt đó trở lại bầu khí quyển.

Các khí nhà kính và hiệu ứng nhà kính chỉ trở thành một vấn đề lớn khi mà bầu khí quyển của chúng ta có quá nhiều các khí này.



II. NGUYÊN NHÂN GÂY RA BĐKH

Nguyên nhân gây ra BĐKH có thể chia ra làm hai loại: Nguyên nhân do con người và nguyên nhân tự nhiên.

Trong tài liệu này, chỉ đề cập đến nguyên nhân do con người gây ra:

- Chặt phá rừng
- Đốt cháy các nhiên liệu hóa thạch như dầu mỏ, khí ga và than đá sản sinh ra nhiều khí cacbonic. Theo tính toán của các nhà khoa học sử dụng nhiên liệu hóa thạch làm tăng thêm 80%-85% lượng khí cacbonic (CO_2) vào bầu khí quyển;

III. BIỂU HIỆN CHÍNH CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

- Nhiệt độ trung bình tăng ;
- Lượng mưa thay đổi;
- Mực nước biển dâng lên do sự tan băng của hai cực trái đất;
- Thiên tai và các hiện tượng thời tiết cực đoan (nắng nóng, giá rét, bão, lũ lụt, hạn hán, xâm nhập mặn...) đều tăng cả về cường độ và tần suất.



PHỤ LỤC 3: MỘT SỐ NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA UBND CẤP XÃ, CÁ NHÂN VÀ HỘ GIA ĐÌNH

Một số nội dung liên quan đến trách nhiệm của UBND cấp xã, cá nhân và hộ gia đình được nêu tại Luật phòng, chống thiên tai như sau:

1. UBND cấp xã:

- Xây dựng phê duyệt và thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai (Theo nội dung Khoản 1, Khoản 7, Điều 15 và Điểm d, Khoản 4, Điều 22) và lồng ghép với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương (Theo nội dung Điểm a, Khoản 3, Điều 16);
- Xây dựng và nâng cấp trường học, trạm y tế, trụ sở công, nhà văn hóa cộng đồng và công trình công cộng khác ở khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai phải tính đến nhu cầu kết hợp sử dụng làm địa điểm sơ tán dân khi có thiên tai (Theo nội dung Khoản 2, Điều 20);
- Xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống phát thanh, truyền thông và hệ thống truyền tin khác để tuyên truyền, giáo dục và đáp ứng nhu cầu tiếp cận thông tin của tổ chức, cá nhân, cộng đồng về phòng, chống thiên tai (Theo nội dung Khoản 3, Điều 21);
- Chủ động chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm; tổ chức tập huấn, diễn tập theo kế hoạch phòng, chống thiên tai đã được phê duyệt (Theo nội dung Khoản 3, Điều 23);
- Phổ biến nội dung văn bản chỉ đạo, chỉ huy ứng phó thiên tai đến cộng đồng và người dân (Theo nội dung Điểm b, Khoản 3, Điều 25);
- Trách nhiệm trong ứng phó thiên tai được quy định tại Khoản 4, Điều 27;
- Huy động lực lượng, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm đã được chuẩn bị theo phương châm bốn tại chỗ để ứng phó thiên tai và cứu trợ khẩn cấp tại địa phương (Theo nội dung Khoản 1, Điều 28);
- Chủ động triển khai hoạt động tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn trường hợp vượt quá khả năng phải báo cáo kịp thời với Ủy ban nhân dân, Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp trên hoặc Ban chỉ đạo trung ương về phòng, chống thiên tai và Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn hỗ trợ (Theo nội dung Điểm b, Khoản 2, Điều 29);
- Tổ chức thực hiện công tác khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn theo quy định tại khoản 1 Điều 30; theo nội dung Điểm b, Khoản 2, Điều 30;
- Tổng hợp, thống kê, đánh giá thiệt hại; kiểm tra kết quả đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trên (Theo nội dung Khoản 3, Điều 31);
- Huy động, vận động, quyên góp, phân bổ nguồn hỗ trợ của Nhà nước và các tổ chức, cá nhân để phục vụ công tác cứu trợ khẩn cấp và khắc phục hậu quả về thiên tai (Theo nội dung Điểm a, Khoản 2, Điều 33). Căn cứ vào tình hình thiệt hại và mức độ thiên tai ở địa phương xây dựng kế hoạch, bố trí nguồn lực thực hiện hỗ trợ và cứu trợ cần thiết (Theo nội dung Điểm d, Khoản 3, Điều 32);

- Trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng, chống thiên tai của UBND cấp xã được quy định tại Khoản 2, Điều 43;
- Thành lập Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã làm Trưởng ban để chỉ huy và tổ chức công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn (Theo nội dung Khoản 3, Điều 44).

2. Cá nhân và hộ gia đình

- Cá nhân, hộ gia đình trên địa bàn được xác định là lực lượng tại chỗ thực hiện hoạt động phòng, chống thiên tai (Theo nội dung Khoản 1, Điều 6);
- Cá nhân, hộ gia đình khi tham gia hỗ trợ hoạt động phòng, chống thiên tai phải tuân thủ theo sự chỉ huy của người có thẩm quyền (Theo nội dung Khoản 4, Điều 6);
- Cá nhân, hộ gia đình tự chuẩn bị vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ cho hoạt động phòng, chống thiên tai (Theo nội dung Khoản 1 Điều 7 và Khoản 2, Điều 23);
- Cá nhân, hộ gia đình có trách nhiệm tham gia bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai (Theo nội dung Điểm d, Khoản 3, Điều 20);
- Cá nhân, hộ gia đình có trách nhiệm tham gia vào hoạt động thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai; trang bị thiết bị tiếp nhận thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai (Theo nội dung Điểm đ, Khoản 3, Điều 21);
- Cá nhân, hộ gia đình có trách nhiệm chủ động thực hiện biện pháp ứng phó thiên tai và tham gia ứng phó thiên tai theo sự điều động của cơ quan có thẩm quyền (Theo nội dung Khoản 6, Điều 27);
- Cá nhân, hộ gia đình chủ động tìm kiếm cứu nạn và có trách nhiệm tham gia tìm kiếm cứu nạn theo sự huy động của cơ quan có thẩm quyền (Theo nội dung Điểm a, Khoản 2, Điều 29);
- Cá nhân, hộ gia đình có trách nhiệm chủ động khắc phục hậu quả thiên tai đối với cơ sở hạ tầng, tài sản thuộc phạm vi quản lý; tham gia hỗ trợ hoạt động khắc phục hậu quả thiên tai theo sự huy động của cơ quan có thẩm quyền (Theo nội dung Điểm a, Khoản 2, Điều 30);
- Cá nhân, hộ gia đình có trách nhiệm báo cáo chính xác thiệt hại do thiên tai gây ra trong phạm vi quản lý với Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp xã, cơ quan chủ quản (Theo nội dung Khoản 1, Điều 31);
- Quyền và nghĩa vụ hộ gia đình, cá nhân trong phòng chống thiên tai được quy định cụ thể trong Điều 34;
- Các hộ gia đình, cá nhân thực hiện nghiêm chỉnh các hành vi bị cấm được nêu tại Điều 12.



PHỤ LỤC 4: CÁC VẤN ĐỀ VỀ GIỚI

1. KHÁI NIỆM CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ VỀ GIỚI

Giới tính chỉ các đặc điểm sinh học của nam và nữ, được thể hiện bằng sự khác biệt cơ bản về cấu tạo cơ thể, các chức năng sinh sản của phụ nữ và nam giới (Luật Bình đẳng giới).

Ví dụ: Phụ nữ có khả năng mang thai, có bầu sữa mẹ mà nam giới không có được...

Giới chỉ những đặc điểm, vị trí, vai trò của nam và nữ trong tất cả các mối quan hệ xã hội. (Luật Bình đẳng giới). Những đặc điểm này được hình thành qua quá trình giáo dục, nuôi dưỡng. Đây là những đặc điểm mang tính văn hóa, xã hội.

Ví dụ: Phụ nữ cũng có thể mạnh mẽ và quyết đoán. Phụ nữ đã từng là những nhà lãnh đạo cấp cao trên thế giới và Việt Nam, phụ nữ có thể làm nhiều ngành nghề như phi công, thợ máy/kỹ sư.

Nam giới có thể nhẹ nhàng và kiên nhẫn, cũng có thể làm nội trợ, thợ may, chăm sóc con cái như nữ giới ...

Những đặc điểm này có thể hoán đổi cho nhau giữa nam và nữ và có thể thay đổi theo thời gian và không gian.

Vai trò giới là tập hợp các hành vi ứng xử mà xã hội mong đợi ở nam và nữ liên quan đến những đặc điểm giới tính và năng lực mà xã hội coi là thuộc về nam giới hoặc thuộc về nữ giới (trẻ em trai hoặc trẻ em gái) trong một xã hội hoặc một nền văn hoá cụ thể nào đó.

(Tài liệu Tập huấn của Hội phụ nữ)

Vai trò giới được chia làm 3 nhóm cơ bản: sản xuất, tái sản xuất và vai trò cộng đồng. Các vai trò của nam giới và phụ nữ cũng được phân công khác nhau trong công tác quản lý và giảm nhẹ rủi ro thiên tai được thể hiện trong bảng dưới đây:

Vai trò giới

Các loại vai trò giới	Đặc điểm	Ví dụ
1. Vai trò sản xuất	Gồm các hoạt động làm ra sản phẩm, hàng hoá hoặc dịch vụ để tiêu dùng và trao đổi thương mại, góp phát triển kinh tế gia đình và xã hội.	Đi cà, đi cấy, sản xuất, kinh doanh tạo ra thu nhập. Trong phòng, chống thiên tai: thu hoạch mùa màng sớm, sơ tán gia súc, phòng chống dịch bệnh, gieo trồng, khôi phục sản xuất, cải tạo đất.... Khi thiên tai xảy ra, khối lượng công việc của cả phụ nữ càng gia tăng vì nam giới có thể ra thành phố tìm việc, phụ nữ ở lại phải đảm nhiệm công việc của cả hai.
2. Vai trò tái sản xuất	Gồm các hoạt động duy trì nòi giống và tái tạo sức lao động.	Ví dụ: sinh con, chăm sóc, nuôi dưỡng, dạy dỗ con, chăm sóc gia đình. Khi thiên tai xảy ra, phụ nữ là người chịu nhiều sức ép vì phải chăm lo gia đình trong điều kiện thiếu thốn. Tuy nhiên, nam giới cũng chịu áp lực trong việc đảm bảo thu nhập cho gia đình, khôi phục sản xuất và sửa chữa nhà cửa.
3. Vai trò cộng đồng	Gồm những công việc đòi hỏi sự tham gia tình nguyện, tiêu tốn thời gian và không nhìn thấy ngay kết quả được, có lúc được trả công và có lúc không.	Ví dụ: Cùng với nam giới, phụ nữ được coi là lực lượng chính đóng góp tích cực vào các hoạt động cộng đồng sau thiên tai như thăm hỏi động viên gia đình bị nạn trong thiên tai; huy động cộng đồng đóng góp lương thực, thực phẩm cứu trợ người bị nạn.

Cả nam và nữ đều có khả năng tham gia vào cả ba loại vai trò trên. Tuy nhiên, ở Việt Nam, phụ nữ hầu như đều phải đảm nhiệm cả vai trò tái sản xuất và các hoạt động sản xuất. Gánh nặng công việc gia đình của phụ nữ hạn chế họ tham gia một cách tích cực và thường xuyên vào các hoạt động cộng đồng. Trong khi đó, nam giới có nhiều thời gian và cơ hội hơn để đảm nhận vai trò cộng đồng và hoạt động sản xuất.

Sự hiểu biết sâu sắc về vai trò giới giúp xác định các hoạt động hỗ trợ phù hợp cho cả nam và nữ, từ đó thu hút được sự tham gia một cách hiệu quả, đồng thời góp phần giảm bất bình đẳng giới trong việc phân chia lao động xã hội.

Định kiến giới là nhận thức, thái độ và đánh giá thiên lệch, tiêu cực về đặc điểm, vị trí, vai trò và năng lực của nam hoặc nữ.

(Luật Bình đẳng giới)

Ví dụ: Quan niệm cho rằng “người phụ nữ không thể tham gia vào các hoạt động quản lý, giảm nhẹ rủi ro thiên tai, phụ nữ bị coi là một trong những đối tượng cần quan tâm đặc biệt trong thiên tai”. Đó là một quan niệm mang định kiến giới.

Bình đẳng giới là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó.

(Luật Bình đẳng giới)

Công bằng giới là sự đối xử hợp lý với nam và nữ dựa trên việc thừa nhận các khác biệt giới tính nhằm đảm bảo cho nam, nữ có cơ hội và điều kiện tham gia và hưởng lợi một cách bình đẳng.

Trong khi Bình đẳng giới là mục đích cuối cùng mà xã hội, cộng đồng cùng hướng tới thì Công bằng giới là phương tiện, quá trình để thực hiện Bình đẳng giới.

Bất bình đẳng giới là sự phân biệt đối xử với nam, nữ về vị thế, điều kiện và cơ hội bất lợi cho nam, nữ trong việc thực hiện quyền con người, đóng góp và hưởng lợi từ sự phát triển của gia đình, của đất nước.

(Luật Bình đẳng giới)

Một số vấn đề về giới trong Quản lý RRTT ở Việt Nam⁴

- Phụ nữ tham gia hạn chế trong các tổ chức, đơn vị/bộ máy làm công tác quản lý rủi ro thiên tai, trong quá trình ra quyết định và xây dựng chương trình, lập kế hoạch;
- Nhu cầu của phụ nữ chưa được phản ánh và đáp ứng trong quá trình lập kế hoạch phòng, chống thiên tai. Phụ nữ vẫn bị coi là nạn nhân hơn là lực lượng tích cực trong phòng chống thiên tai;
- Hầu như không có một kế hoạch, hành động cụ thể hóa việc giảm tình trạng bất bình đẳng giới trong chính sách phòng, chống thiên tai của Việt nam. Mọi vấn đề giới đều không được đề cập hoặc quá chung chung.

Lồng ghép giới là biện pháp nhằm đưa mối quan tâm và kinh nghiệm của nữ giới và nam giới trở thành mục tiêu xuyên suốt quá trình hoạt động thuộc tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế và xã hội, để phụ nữ và nam giới đều có thể được hưởng lợi như nhau.

Mục tiêu cao nhất của lồng ghép giới là đạt được sự bình đẳng giới.

Thế giới coi đây là biện pháp chiến lược để thực hiện bình đẳng giới.

2. LỢI ÍCH VÀ NỘI DUNG CỦA VIỆC LỒNG GHÉP GIỚI

Lợi ích của việc lồng ghép giới trong giảm nhẹ thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu⁵:

- Tận dụng năng lực và sự đóng góp của cả nam giới và nữ giới vào sự phát triển của đất nước.
- Tránh những ảnh hưởng không mong muốn có thể làm gia tăng sự bất bình đẳng giới và đói nghèo mà các chính sách liên quan tới Thích ứng Biến đổi khí hậu (TUBĐKH)/Giảm nhẹ rủi ro thiên tai (GNRRTT) đem lại.
- Nâng cao vai trò và vị thế cho phụ nữ, cải thiện điều kiện sống cho gia đình và cộng đồng; giúp cả phụ nữ và nam giới được an toàn hơn.
- Đảm bảo sự gắn kết chặt chẽ hơn với các chính sách xã hội/giới hiện hành, các cam kết về giới và quyền con người, nhờ đó đóng góp vào việc đạt được bình đẳng giới và các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (MDGs) cũng như các mục tiêu phát triển bền vững.

⁴ Báo cáo nghiên cứu của Oxfam và Hội phụ nữ, 2013

⁵ Trích "Tóm lược gợi ý chính sách Bình đẳng giới trong công tác giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng với Biến đổi khí hậu" - UNDP và Oxfam

Những nội dung lồng ghép giới⁶:

- Nâng cao nhận thức về giới và bình đẳng giới cho phụ nữ và nam giới trong cộng đồng và cho các nhà quản lý.
- Thu thập thông tin và số liệu tổng hợp có tách biệt nam, nữ về tình trạng DBTT và năng lực của họ trong giảm nhẹ thiên tai; Xác định những nhóm đối tượng dễ bị tổn thương như: phụ nữ nghèo, phụ nữ mang thai, phụ nữ thuộc dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người già cô đơn...
- Sử dụng các công cụ phân tích giới để phát hiện những bất bình đẳng giới, khoảng cách giới liên quan tới việc tiếp cận, sử dụng các nguồn lực, ví dụ như ra quyết định và những nhu cầu, tình trạng dễ bị tổn thương khác nhau của phụ nữ và nam giới trong từng bối cảnh thiên tai cụ thể.
- Đưa vấn đề giới vào các bước quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng để giải quyết các vấn đề của cộng đồng trong phòng, chống thiên tai.
- Khuyến khích phụ nữ tham gia chủ động và chú ý đến vai trò của họ trong công tác giảm nhẹ rủi ro thiên tai và lập kế hoạch TỨĐKH.

⁶ Trích từ tài liệu tập huấn “Lồng ghép giới vào quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu” của Hội phụ nữ, 2012.

PHỤ LỤC 5: MỘT SỐ NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CỦA NHÓM HỖ TRỢ KỸ THUẬT VÀ NHÓM CỘNG ĐỒNG

1. NHÓM HỖ TRỢ KỸ THUẬT CẤP XÃ

a. Thành lập nhóm

Nhóm hỗ trợ kỹ thuật được thành lập theo quyết định của UBND cấp xã (khoảng 7-10 người). Trong đó quy định rõ thành viên, vai trò, nhiệm vụ và cơ chế phối hợp giữa các thành viên trong Nhóm.

Trưởng Nhóm: Phó Chủ tịch UBND xã; số lượng các Phó Trưởng nhóm do UBND cấp xã quy định.

Thành phần của nhóm này nên có sự tham gia của các tổ chức như Mặt trận tổ quốc, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, Hội Nông dân, Hội chữ thập đỏ, và đại diện giáo viên các trường trong địa bàn xã, đại diện tổ chức tôn giáo, dân tộc thiểu số (đảm bảo tỷ lệ nữ chiếm ít nhất 30%)...

b. Nội dung hoạt động

- Tham mưu cho UBND xã xây dựng kế hoạch, triển khai các hoạt động quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tại địa phương.
- Giúp UBND xã điều phối các hoạt động của các nhóm cộng đồng.
- Tổ chức họp từng thôn/bản/ấp (20-30 người) gồm đại diện các tổ chức trong thôn, đại diện người dân (ít nhất 30% là nữ giới) để thu thập thông tin về thiên tai, tình trạng dễ bị tổn thương, năng lực và nhận thức của người dân.
- Khảo sát thực tế, trao đổi tiếp xúc với các hộ gia đình (mỗi thôn ít nhất 10 hộ) để bổ sung thông tin.
- Thu thập thông tin từ các tài liệu có liên quan đến công tác quản lý thiên tai.
- Tổng hợp thông tin, đối chiếu, phân tích và so sánh nhằm xác định giải pháp, lập kế hoạch phòng chống thiên tai (Nhóm hỗ trợ kỹ thuật, nhóm cộng đồng và người dân cùng thảo luận để xác định được các rủi ro thiên tai và xếp hạng theo thứ tự ưu tiên; Tìm ra nguyên nhân dẫn đến các rủi ro để đưa ra được các giải pháp phù hợp và lập kế hoạch phòng chống thiên tai cho thôn, xã).
- Trình bày kết quả đánh giá, bảng tổng hợp đánh giá rủi ro thiên tai và giải pháp phòng, chống thiên tai; mời người dân bổ sung ý kiến và xếp hạng giải pháp.
- Nhóm Hỗ trợ kỹ thuật cùng nhóm Cộng đồng lập kế hoạch chi tiết gồm các nội dung: Hoạt động cụ thể, người thực hiện, người chịu trách nhiệm, thời gian thực hiện, nguồn kinh phí và theo dõi, giám sát; báo cáo UBND xã.
- Chủ động và trực tiếp triển khai các hoạt động chuyên môn được giao như việc theo dõi, hướng dẫn, tổ chức, thực hiện các hoạt động quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng trên địa bàn, đảm bảo đạt được mục đích, nội dung và hiệu quả.

Tuyên truyền, đào tạo :

Tổ chức đánh giá nhu cầu tập huấn của cộng đồng về quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng.

Tham mưu cho UBND xã trong việc xây dựng chương trình, kế hoạch tập huấn.

Tham gia tổ chức và là giảng viên chính của các khóa tập huấn, đào tạo cho cộng đồng và các cán bộ làm công

tác quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tại xã.

Xây dựng báo cáo đánh giá kết quả các khóa tập huấn, đào tạo và đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng như: nội dung tài liệu đào tạo, kỹ năng và phương pháp đào tạo, tập huấn...

Đánh giá rủi ro thiên tai:

- Tổ chức đánh giá rủi ro thiên tai trong phạm vi xã.
- Tổ chức việc thu thập số liệu phục vụ đánh giá rủi ro thiên tai và xây dựng cơ sở dữ liệu.
- Phối hợp và tham gia xây dựng tài liệu đào tạo, tập huấn về đánh giá rủi ro thiên tai.
- Xây dựng báo cáo và đánh giá kết quả về “Đánh giá rủi ro thiên tai”.

Theo dõi, đánh giá

- Tham mưu cho UBND xã xây dựng các chỉ số theo dõi, đánh giá, cũng như kế hoạch giám sát, đánh giá;
- Tổ chức đánh giá, theo dõi kết quả và tiến độ thực hiện;
- Đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng theo dõi, đánh giá;
- Xây dựng báo cáo hàng năm, 05 năm về theo dõi, đánh giá.

2. NHÓM CỘNG ĐỒNG

a. Thành lập nhóm cộng đồng

Mỗi thôn/bản/ấp có một nhóm cộng đồng (khoảng 7-15 người), bao gồm: trưởng thôn, đại diện chi bộ Đảng, các đoàn thể, các khu dân cư, các chức sắc tôn giáo do người dân giới thiệu và bầu chọn (Cần chú trọng đến vấn đề giới và quan hệ xã hội giữa các nhóm cộng đồng); Trưởng Nhóm cộng đồng là Trưởng thôn, bản hoặc khu dân cư.

b. Nội dung hoạt động của nhóm cộng đồng

Phối hợp chặt chẽ và tham gia đầy đủ các “Nội dung hoạt động” của Nhóm hỗ trợ kỹ thuật đã nêu trên ở phạm vi thôn/bản.

PHỤ LỤC 6: ĐỀ ÁN NÂNG CAO NHẬN THỨC CỘNG ĐỒNG VÀ QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Quyết định số 172/2007/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ban hành Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, kiêm Trưởng Ban Chỉ đạo phòng, chống lụt, bão Trung ương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng với các nội dung chủ yếu sau đây:

I. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

Mục tiêu chung:

Nâng cao nhận thức cộng đồng và tổ chức có hiệu quả mô hình quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng cho các cấp, các ngành, đặc biệt là chính quyền và người dân ở các làng, xã nhằm giảm đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản, hạn chế sự phá hoại tài nguyên thiên nhiên, môi trường và di sản văn hóa do thiên tai gây ra, góp phần bảo đảm sự phát triển bền vững của đất nước, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Mục tiêu cụ thể:

- Hoàn chỉnh cơ chế, chính sách về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương.
- Nâng cao năng lực cho cán bộ chính quyền các cấp trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai; đảm bảo đến năm 2020 có 100% cán bộ được tập huấn, nâng cao năng lực và trình độ về công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.
- Tất cả các làng, xã ở những vùng có nguy cơ cao xảy ra thiên tai xây dựng được kế hoạch phòng tránh thiên tai, có hệ thống thông tin liên lạc và xây dựng được lực lượng nòng cốt có chuyên môn, nghiệp vụ về giảm nhẹ thiên tai, lực lượng tình nguyện viên để hướng dẫn và hỗ trợ nhân dân trong công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.

- 70% số dân các xã thuộc vùng thường xuyên bị thiên tai được phổ biến kiến thức về phòng, chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai.
- Đưa kiến thức phòng tránh giảm nhẹ thiên tai vào chương trình đào tạo của trường học phổ thông.

II. NHIỆM VỤ VÀ QUY MÔ CỦA ĐỀ ÁN

Nhằm đảm bảo tính đồng bộ và phát huy tối đa hiệu quả đầu tư, Đề án gồm 2 hợp phần có mối liên hệ mật thiết với nhau, bao gồm:

a) Hợp phần 1: Nâng cao năng lực về quản lý, triển khai thực hiện các hoạt động quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng cho cán bộ chính quyền các cấp.

Hợp phần 1 có mục tiêu đảm bảo 100% cán bộ các cấp trực tiếp làm công tác quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng được tập huấn, nâng cao năng lực và trình độ về quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng. Bao gồm các hoạt động sau:

- Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, thống nhất về quản lý, hướng dẫn, triển khai thực hiện các hoạt động quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng ở các cấp và tại cộng đồng.
- Hoàn thiện bộ máy phòng, chống và quản lý thiên tai của cơ quan chuyên trách các cấp của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- Xây dựng hệ thống đào tạo về quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng ở các cấp.
- Xây dựng các bộ tài liệu đào tạo về chính sách, cơ chế và các hoạt động triển khai quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng ở các cấp và cộng đồng (bao gồm cả bộ tài liệu cho giảng viên và bộ tài liệu cho học viên).
- Tổ chức đào tạo về chính sách, cơ chế, các bước thực hiện quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng cho đội ngũ giảng viên, các cơ quan, cán bộ địa phương và cán bộ trực tiếp triển khai thực hiện quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng ở các cấp.
- Đưa chương trình đào tạo nâng cao năng lực cho cơ quan chính quyền và đội ngũ giảng viên chuyên nghiệp quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng như một hoạt động thiết yếu trong chương trình, kế hoạch hoạt động về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai hàng năm ở các cấp.
- Trang bị công cụ hỗ trợ công tác phòng, chống lụt bão cho các cơ quan, chính quyền các cấp và bộ dụng cụ giảng dạy về quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng cho đội ngũ giảng viên chuyên nghiệp.
- Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới trụ sở cơ quan chuyên trách về phòng, chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai cấp tỉnh, thành phố.

b) Hợp phần 2: Tăng cường truyền thông giáo dục, nâng cao năng lực cho cộng đồng về quản lý rủi ro thiên tai.

Hợp phần này với mục tiêu: Tăng cường năng lực cho cộng đồng về giảm nhẹ thiên tai; trên 70% số dân các xã thuộc vùng thường xuyên bị thiên tai được phổ biến kiến thức về phòng, chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai. Bao gồm các hoạt động chủ yếu sau:

- Thành lập nhóm triển khai thực hiện các hoạt động quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng tại cộng đồng (do cộng đồng bầu chọn).

- Thiết lập bản đồ thiên tai và tình trạng dễ bị tổn thương ở từng cộng đồng (do cộng đồng tự xây dựng dựa trên hướng dẫn của nhóm thực hiện quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng tại cộng đồng); xây dựng pano, bản đồ và bảng hướng dẫn các bước cơ bản về chuẩn bị, ứng phó và khắc phục hậu quả tại địa điểm trung tâm của mỗi cộng đồng.
- Xây dựng sổ tay hướng dẫn triển khai các hoạt động cơ bản của cộng đồng về chuẩn bị, ứng phó và khắc phục hậu quả ứng với từng giai đoạn: trước, trong và sau thiên tai phù hợp cho từng cộng đồng (theo truyền thống văn hóa và điều kiện kinh tế - xã hội của từng nhóm cộng đồng).
- Hàng năm, thành viên cộng đồng thu thập, cập nhật thông tin cho bản đồ thiên tai và tình trạng dễ bị tổn thương.
- Hàng năm, cộng đồng xây dựng kế hoạch về phòng, chống và quản lý rủi ro thiên tai có lồng ghép với tác động của biến đổi khí hậu.
- Các thành viên cộng đồng xây dựng kế hoạch phát triển của cộng đồng có lồng ghép kế hoạch về phòng, chống và quản lý rủi ro thiên tai.
- Hàng năm, tổ chức diễn tập về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai tại cộng đồng (bao gồm cả các trang thiết bị và dụng cụ hỗ trợ).
- Thiết lập hệ thống về cảnh báo, truyền tin sớm về thiên tai trong cộng đồng (bao gồm cả các trang thiết bị và dụng cụ hỗ trợ).
- Thiết lập hệ thống đánh giá và giám sát các hoạt động về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai trong cộng đồng.
- Các hoạt động về quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng thường xuyên được truyền thông qua trang internet, tivi, đài, báo và các pano áp phích, tờ rơi...
- Xây dựng bộ tài liệu đào tạo về các hoạt động phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai trong cộng đồng (bộ tài liệu này sẽ bao trùm lên quá trình quản lý rủi ro thiên tai như chuẩn bị lập kế hoạch, lập kế hoạch, các hoạt động ứng cứu trong thiên tai, các hoạt động về khôi phục và phục hồi sau thiên tai...).
- Hàng năm, tổ chức các lớp đào tạo cho cộng đồng về từng hoạt động riêng biệt trong công tác quản lý rủi ro thiên tai tại cộng đồng (các hoạt động đào tạo, tập huấn này được tổ chức riêng biệt cho từng đối tượng cụ thể trong cộng đồng như giới tính, học sinh phổ thông, người lớn tuổi...).
- Tổ chức các buổi biểu diễn văn nghệ có nội dung về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai tại cộng đồng nhân các ngày lễ hội.
- Xây dựng các công trình quy mô nhỏ phục vụ công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai tại cộng đồng (đường tránh lũ, trường học, trạm y tế, nước sạch...).
- Khung hành động, kế hoạch thực hiện và kinh phí thực hiện được thể hiện tại Phụ lục I, II và III ban hành kèm theo Quyết định này.

III. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Đề án dự kiến thực hiện trong 12 năm, bắt đầu từ năm 2009 và kết thúc vào năm 2020 và dự kiến được thực hiện ở khoảng 6.000 làng, xã thường bị ảnh hưởng do thiên tai trên toàn quốc.

IV. TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Tổng nhu cầu vốn để thực hiện Đề án khoảng 988,7 tỷ đồng, được phân bổ cho các hợp phần như sau:

Hợp phần 1: nâng cao năng lực cho cán bộ chính quyền địa phương ở các cấp về quản lý, triển khai thực hiện các hoạt động quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng: 182,9 tỷ đồng.

Hợp phần 2: nâng cao năng lực cho cộng đồng về quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng: 805,8 tỷ đồng.

a) Cơ chế tài chính:

Với tổng nhu cầu về vốn để thực hiện Đề án, dự kiến kinh phí thực hiện Đề án được xác định từ các nguồn vốn sau đây:

Vốn ngân sách: 546,9 tỷ đồng (chiếm 55%).

Vốn dân đóng góp: 46,322 tỷ đồng (chiếm 5%).

Vốn tài trợ không hoàn lại từ các Chính phủ và các tổ chức quốc tế: 395,48 tỷ đồng (chiếm 40%).

b) Giai đoạn thực hiện và phân kỳ đầu tư:

Giai đoạn 1 (2009 - 2010): 75,4 tỷ đồng.

Giai đoạn 2 (2011 – 2015): 366,4 tỷ đồng.

Giai đoạn 3 (2016 - 2020): 546,9 tỷ đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ban Chỉ đạo phòng, chống lụt, bão Trung ương là cơ quan chủ trì tổ chức thực hiện Đề án và có trách nhiệm:

- Xác định mục tiêu, phê duyệt nội dung, tính toán kinh phí cần thiết và đề xuất các giải pháp thực hiện hàng năm, 5 năm; phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính chuẩn bị kinh phí và đề xuất phân bổ cho các Bộ, ngành và các tỉnh, thành phố trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.
- Hướng dẫn kiểm tra đôn đốc việc thực hiện Đề án; làm đầu mối quốc gia liên hệ với các tổ chức quốc tế về lĩnh vực này.
- Trên cơ sở các danh mục kế hoạch hành động của các tỉnh, thành phố tiến hành rà soát, xây dựng kế hoạch hành động chi tiết, xác định rõ những nội dung cần ưu tiên gửi các Bộ, ngành, địa phương để tổ chức thực hiện.
- Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Đề án của các địa phương; định kỳ hàng năm sơ kết, đánh giá rút kinh nghiệm.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư: chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, cân đối, bố trí từ ngân sách, tìm nguồn vốn tài trợ khác để thực hiện hiệu quả các nội dung của Đề án.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo: phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Chỉ đạo phòng, chống, lụt bão Trung ương biên soạn tài liệu và đưa nội dung phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai lồng ghép vào các môn học để giảng dạy ở các trường tiểu học, trung học trong các giờ chính khóa hoặc ngoại khóa.

4. Các Bộ, ngành: theo chức năng nhiệm vụ của mình phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Chỉ đạo phòng, chống, lụt bão Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh để tổ chức thực hiện Đề án này.

5. Các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch của Đề án cho địa phương mình.
- Tổ chức thực hiện các hoạt động liên quan được phê duyệt trong Đề án.
- Đảm bảo sử dụng đúng mục tiêu và có hiệu quả nguồn vốn của Đề án, thực hiện chống tham nhũng và thất thoát vốn của Đề án.
- Chủ động huy động thêm nguồn lực và lồng ghép với các hoạt động có liên quan của các chương trình khác trên địa bàn để đạt được các mục tiêu của Đề án.
- Chuẩn bị địa bàn thực hiện Đề án, các báo cáo định kỳ về tiến độ thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án trên địa bàn tỉnh, thành phố theo quy định.

6. Các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp và nhân dân.

Các hoạt động về nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng là sự nghiệp của toàn xã hội. Quá trình hoạch định các chủ trương chính sách, tổ chức và triển khai các hoạt động của Đề án, ngoài sự đầu tư của Nhà nước, cần huy động sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp và nhân dân.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Phó Thủ Tướng

Hoàng Trung Hải

Đã ký

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” phê duyệt tại Quyết định 1002 của Thủ tướng Chính phủ ngày 13/7/2009.
2. Tài liệu hướng dẫn triển khai Đề án Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng do Tổng cục Thủy lợi ban hành theo Quyết định số 666/QĐ-TCTL-ĐĐ ngày 22/8/2011.
3. Hướng dẫn cấp xã lập kế hoạch thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, JANI (2011).
4. Tài liệu hướng dẫn đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và năng lực. Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và Hội Chữ thập đỏ Hà Lan.
5. Sổ tay hướng dẫn “Quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng” DMC-Oxfarm (2012).
6. Xây dựng năng lực phòng ngừa với thiên tai ở vùng cao Việt Nam. CECI (2009).
7. Tài liệu Kỹ thuật Quản lý rủi ro thiên tai và Thích ứng với Biến đổi khí hậu. CTIC, Trường Đại học Thủy lợi, Đại học RMIT, Melbourne, Australia, Đại học Đông Anglia, Đại học Sussex, Anh (2011).
8. Sổ tay hướng dẫn xúc tiến công tác Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng. JICA (2011).
9. Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và năng lực. Hội Chữ thập đỏ Hà Lan (2010).
10. Thực tiễn thực hiện quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng. JICA (2011).
11. Hãy ghi nhận sức mạnh của phụ nữ và trẻ em gái trong giảm nhẹ rủi ro. Câu chuyện từ Việt Nam. JANI (2012).
12. Một số mô hình QLTT DVCD của các tổ chức CARE, OXFAM và World Vision. CARE, OXFAM và World Vision (2010).
13. Hướng dẫn Lập kế hoạch làng xã an toàn. Japan Social Development Fund (JSDF) (2011)
14. Các bài học kinh nghiệm và điển hình về QLTT DVCD ở vùng cao Việt Nam. Trung tâm Nghiên cứu và hợp tác quốc tế (CECI), Trung tâm sống và học tập vì môi trường và cộng đồng (Live&Learn) (2011).
15. Tăng cường phòng chống thiên tai tại cộng đồng. CARE Quốc tế tại Việt Nam. Dự án DIPECHO “Sáng kiến mạng lưới vận động chính sách tại Việt Nam”
16. Các báo cáo sơ kết, đánh giá rút kinh nghiệm thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng”. DMC.



**Australian
Aid** 



*Empowered lives.
Resilient nations.*

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
Số 2 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội
Tel: 043 846 8161
Fax: 043 845 4319
Website: www.mard.gov.vn

SỨ QUÁN ÚC
8 Đào Tấn,
Ba Đình
Hà Nội,
Việt Nam
Tel: +84-4 3774 0100

CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN LIÊN HỢP QUỐC
25-29 Phan Bội Châu, Hà Nội - Việt Nam
Tel: (84 4) 39421495
Fax: (84 4) 39422267
Email: registry.vn@undp.org
www.undp.org.vn

